

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THUYẾT MINH**  
**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CHUNG**  
**XÃ CHIỀNG HẠC, TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2045**

*(Hồ sơ đã chỉnh sửa theo ý kiến Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 259/BC-VPUB ngày 25/04/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)*

*Hà Nội, năm 2026*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ.....</b>	<b>1</b>
1. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch chung xã.....	1
2. Các căn cứ lập quy hoạch chung xã.....	1
<b>II. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, PHẠM VI QUY HOẠCH, QUY MÔ DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN II.....</b>	<b>5</b>
<b>ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH VÀ KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CHÍNH.....</b>	<b>5</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....</b>	<b>5</b>
1. Vị trí địa lý.....	5
2. Địa hình .....	5
3. Thổ nhưỡng, đất đai.....	5
4. Khí hậu, thủy văn.....	6
5. Tài nguyên.....	6
6. Phân tích hiện trạng môi trường.....	7
7. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái ...	8
<b>II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>8</b>
1. Hiện trạng sử dụng đất .....	8
2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất .....	9
<b>III. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>10</b>
1. Dân số .....	10
2. Lao động.....	10
3. Nông nghiệp.....	10
4. Lâm nghiệp.....	11
5. Thương mại, dịch vụ .....	11
6. Tài nguyên và môi trường.....	11
7. Quy hoạch .....	12
8. Đầu tư xây dựng .....	12
9. Hợp tác xã.....	12
10. Chăm sóc sức khỏe nhân dân.....	12
11. Giáo dục và Đào tạo.....	12
12. Văn hoá - thông tin và du lịch .....	13
13. Quản lý tôn giáo.....	13
14. Công tác quốc phòng, an ninh.....	13

<b>IV. HIỆN TRẠNG CẢNH QUAN KHU DÂN CƯ VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI.....</b>	<b>13</b>
1. Đánh giá hiện trạng khu dân cư .....	13
2. Đánh giá thực trạng đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn..	15
3. Hiện trạng các công trình hành chính sự nghiệp .....	15
3.1. Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã .....	15
3.2. Trụ sở công an xã .....	16
3.3. Đất quốc phòng .....	16
4. Hiện trạng các công trình công cộng .....	17
4.1. Nhà văn hóa trung tâm xã .....	17
4.2. Nhà văn hóa các bản .....	17
4.3. Trường học .....	17
4.4. Trạm y tế .....	18
4.5. Chợ .....	19
4.6. Bưu chính, viễn thông .....	19
4.7. Sân vận động trung tâm xã .....	19
4.8. Cây xăng .....	20
4.9. Các công trình di tích, danh lam thắng cảnh .....	20
<b>V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....</b>	<b>21</b>
1. Giao thông .....	21
2. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng .....	22
3. Thủy lợi .....	22
4. Cấp nước .....	22
5. Thoát nước và vệ sinh môi trường .....	22
6. Nghĩa trang, nghĩa địa .....	23
<b>VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA XÃ.....</b>	<b>24</b>
<b>VII. KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN .....</b>	<b>24</b>
<b>PHẦN III .....</b>	<b>26</b>
<b>PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẠI QUY HOẠCH TỈNH, QUY HOẠCH VÙNG VÀ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>26</b>
<b>I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC THEO QUY HOẠCH TỈNH.....</b>	<b>26</b>
<b>II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC THEO QUY HOẠCH VÙNG ..</b>	<b>27</b>
<b>PHẦN IV .....</b>	<b>28</b>
<b>QUY HOẠCH CHUNG XÃ CHIỀNG HẠC, TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2045</b>	<b>28</b>
<b>I. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH; QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN;</b>	

<b>XÁC ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH.....</b>	<b>28</b>
1. Tính chất, động lực phát triển, vai trò, chức năng của khu vực lập quy hoạch .....	28
2. Quan điểm và mục tiêu phát triển.....	29
3. Xác định những vấn đề chính cần giải quyết trong kỳ quy hoạch.....	29
<b>II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>30</b>
1. Đánh giá tiềm năng phát triển.....	30
2. Dự báo phát triển .....	31
3. Định hướng phát triển kinh tế chủ đạo .....	34
<b>III. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU NGHIÊN CỨU .....</b>	<b>36</b>
1. Yêu cầu về khảo sát, thu thập số liệu.....	36
2. Yêu cầu về lập quy hoạch.....	37
<b>PHẦN V .....</b>	<b>43</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>43</b>
1. Kết luận.....	43
2. Kiến nghị .....	43
3. Phụ lục .....	43
<b>PHẦN VI .....</b>	<b>44</b>
<b>QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN.....</b>	<b>44</b>
<b>PHẦN VII.....</b>	<b>45</b>
<b>THÀNH PHẦN HỒ SƠ.....</b>	<b>45</b>
<b>I. HỒ SƠ SẢN PHẨM NHIỆM VỤ QUY HOẠCH .....</b>	<b>45</b>
1. Thành phần và nội dung hồ sơ .....	45
2. Số lượng hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch .....	45
<b>II. HỒ SƠ SẢN PHẨM PHẦN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.....</b>	<b>45</b>
1. Thành phần và nội dung hồ sơ .....	45
2. Số lượng hồ sơ quy hoạch .....	46
3. Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch chung.....	46
4. Nội dung, hình thức, đối tượng và kế hoạch lấy ý kiến quy hoạch chung xã ..	47
<b>B. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN.....</b>	<b>48</b>
1. Quy mô dân số .....	48
2. Căn cứ lập dự toán.....	48
3. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch.....	48

# A. NỘI DUNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CHUNG XÃ CHIỀNG HẠC TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2045

## PHẦN I. MỞ ĐẦU

### I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ

#### 1. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch chung xã

Xã Chiềng Hạc, thuộc tỉnh Sơn La, đã trải qua những thay đổi đáng kể sau đợt sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã năm 2025. Theo Nghị quyết 1681/NQ-UBTVQH15, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025, xã Chiềng Hạc mới được thành lập từ việc sáp nhập các xã Tú Nang, Mùong Lựm và Chiềng Hạc cũ. Việc sáp nhập các xã mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và quản lý, nhằm tăng cường liên kết vùng, phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương (*như nông nghiệp, tài nguyên...*), nâng cao hiệu quả quản lý, dịch vụ công (*giáo dục, y tế...*), ổn định chính trị - xã hội và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, môi trường và xã hội.

Trước khi sáp nhập, các xã Tú Nang, Mùong Lựm và Chiềng Hạc đã được phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, cụ thể: xã Tú Nang tại Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 21/6/2014; xã Mùong Lựm tại Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 21/6/2014 và xã Chiềng Hạc tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 21/6/2014. Theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, các xã sau sáp nhập cần thực hiện quy hoạch chung xã mới, thay thế cho các quy hoạch cũ không còn phù hợp. Quá trình này bao gồm việc lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, sau đó trình thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật để đảm bảo sự phát triển đồng bộ và bền vững.

Bên cạnh đó, để đưa ra định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025- 2030 đề ra, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn xã; đồng thời quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng và thu hút đầu tư đến năm 2045 trên địa bàn xã Chiềng Hạc thì rất cần thiết phải lập **“Đồ án Quy hoạch chung xã Chiềng Hạc, tỉnh Sơn La đến năm 2045”**.

#### 2. Các căn cứ lập quy hoạch chung xã

##### 2.1. Các căn cứ pháp lý

- Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (*QCVN 01:2021/BXD*);

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025-2030;

- Các tiêu chuẩn kinh tế-kỹ thuật về nông thôn của các Bộ, ngành liên quan.

## **2.2. Các văn bản hướng dẫn**

- Hướng dẫn số 2401/HD-SXD ngày 11/7/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La về Quy trình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xã trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Công văn số 2782/BVHTTDL-VHCSGĐTV ngày 17/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn tiêu chuẩn, yêu cầu về diện tích Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã và Thư viện công cộng cấp tỉnh, xã;

- Hướng dẫn số 01/HD-SXD ngày 09/01/2026 của Sở Xây dựng về quy trình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

## **2.3. Căn cứ các tài liệu**

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/8/2022;

- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023;

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Yên Châu được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 30/6/2025.

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/2/2026.

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Sơn La năm 2025;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Tú Nang, huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2035 được UBND huyện Yên Châu phê duyệt tại Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 21/6/2024;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Mường Lựm, huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2035 được UBND huyện Yên Châu phê duyệt tại Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 21/6/2024;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2035 được UBND huyện Yên Châu phê duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 21/6/2024;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025-2030 số 15-NQ/ĐH được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI thông qua ngày 29/9/2025;

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030.

- Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Chiềng Hặc

về Kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Chiềng Hặc, xã Tú Nang, xã Mường Lựm (cũ) năm 2024;

- Nền địa hình hiện trạng xã Chiềng Hặc, xã Tú Nang, xã Mường Lựm (cũ);

- Các bản đồ quy hoạch không gian tổng thể, không gian kiến trúc của xã;

- Các tài liệu, số liệu kiểm kê, thống kê đất đai năm 2024.

## **II. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, PHẠM VI QUY HOẠCH, QUY MÔ DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH**

Quy hoạch chung xã Chiềng Hặc được thực hiện trên địa bàn toàn xã Chiềng Hặc với diện tích 23.990,67 ha<sup>1</sup> với 41 bản.

---

<sup>1</sup> Diện tích tự nhiên xã Chiềng Hặc được lấy theo kiểm kê đất đai năm 2024

## PHẦN II

### ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH VÀ KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CHÍNH

#### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

##### 1. Vị trí địa lý

Xã Chiềng Hặc thuộc phía Đông Nam của tỉnh Sơn La có diện tích 239,91 km<sup>2</sup>, cách trung tâm tỉnh Sơn La 72 km. Vị trí giáp ranh của xã như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Chiềng Sại.
- + Phía Đông giáp Phường Mộc Châu và xã Tân Yên.
- + Phía Nam giáp xã Lóng Phiêng và xã Lóng Sập.
- + Phía Tây giáp xã Yên Châu và xã Phiêng Khoài.

Vị trí trung tâm hành chính xã Chiềng Hặc nằm trên trục đường QL6, đây là tuyến đường huyết mạch kết nối các tỉnh Tây Bắc với các tỉnh thuộc khu vực Bắc Bộ. Ngoài ra, còn có các tuyến đường quốc lộ 06c kết nối với các xã Lóng Phiêng, xã Phiêng Khoài, đường Mường Lựm – Tân Lập kết nối với xã Tân Yên thuận lợi cho các hoạt động kết nối, giao thương.

##### 2. Địa hình

Xã Chiềng Hặc là một xã miền núi có địa hình phức tạp, địa hình được phân ra làm 2 khu vực chính:

- Vùng thấp nằm dọc theo dòng suối Sập kéo dài từ khu vực tiếp giáp phường Mộc Châu tới giáp xã Yên Châu với độ cao trung bình là 400 m so với mực nước biển.

- Vùng cao được chia cắt với vùng thấp bởi dãy núi Song Sông với độ cao trung bình là 800 m – 1.400 m so với mực nước biển, đỉnh núi cao nhất là đỉnh Trong Tính có độ cao 1.411 m so với mực nước biển nằm tại khu vực tiếp giáp giữa bản Chiềng Ban 2 và bản Ôn Ốc.

##### 3. Thổ nhưỡng, đất đai

Theo kết quả tổng hợp từ bản đồ thổ nhưỡng tỉnh Sơn La tỷ lệ 1:100.000, tài nguyên đất của xã Chiềng Hặc có các loại đất chính chủ yếu là đất Feranit nâu đỏ, nâu vàng trên đá vôi, thành phần cơ giới trung bình đến nặng, mùn trung bình thuộc loại đất tốt, tầng đất từ 30 cm – 120 cm.

Về tính chất đất:

- Thành phần cơ giới: Từ thịt nhẹ đến thịt nặng.
- Kết cấu: hạt, viên.
- Tỷ lệ đá lẫn: 5% - 25 %.
- Hàm lượng mùn: Dinh dưỡng khoáng cao rất thích hợp với nhiều loại cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, cây ăn quả.
- Đất nâu đỏ trên đá vôi (*Fv*)

- Đất vàng đỏ trên đá sét (*Fs*)
- Đất Feralit mùn vàng trên đá cát (*FHq*)
- Đất phù sa ngòi suối (*P'*)
- Đất dốc tụ (*Ld*): Phân bố chủ yếu ở các phiêng bãi bằng phẳng, loại đất này thích hợp cho trồng cây ăn quả, cây công nghiệp.

Hầu hết các loại đất trên địa bàn xã có độ dày tầng đất từ trung bình đến khá, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng. Các chất dinh dưỡng, như: đạm, lân, kali, canxi, magiê... trong đất có hàm lượng trung bình. Do đa phần đất đai nằm trên độ dốc lớn, độ che phủ của thảm thực vật thấp nên cần chú trọng các biện pháp bảo vệ đất, hạn chế rửa trôi, xói mòn làm nghèo dinh dưỡng đất.

#### **4. Khí hậu, thủy văn**

##### **4.1. Khí hậu**

Xã được phân chia thành hai vùng rõ rệt (*vùng dọc trục Quốc lộ 6 với khí hậu nóng và vùng cao với khí hậu mát mẻ*) với nhiều cảnh đẹp hoang sơ của núi rừng Tây Bắc.

Vùng khí hậu nóng dọc trục Quốc lộ 6 thuận lợi cho cây trái nhiệt đới như xoài, chuối, nhãn. Khí hậu khô nóng, chịu ảnh hưởng của gió mùa tây nam được chia làm 2 mùa rõ rệt trong năm. Mùa mưa từ tháng 4 đến cuối tháng 9, mưa tập trung vào tháng 6,7,8. Mùa khô kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ bình quân ảnh hưởng của gió khô nóng, và gió mùa đông bắc. Độ ẩm trung bình đạt 80%, lượng mưa bình quân khoảng 1.500mm/năm.

Khu vực vùng cao Mường Lựm nhiệt độ không khí dao động trong khoảng 17°C - 20°C. Nơi đây thuộc ngưỡng nhiệt mát mẻ, có nhiều mây mù thuận lợi cho trồng cây mận, mơ, lê và chăn nuôi đại gia súc.... Tuy nhiên, mùa đông có đợt rét đậm và sương muối cũng có nhiều ảnh hưởng đến sản xuất của người dân.

##### **4.2. Thủy văn**

- Xã Chiềng Hặc có địa hình chia cắt mạnh đã tạo ra một hệ thống suối, ao hồ khá phong phú như: suối Sập, suối Vạt trong vùng quốc lộ 6; hệ thống suối Nậm Pàn ở vùng cao và biên giới và hồ Chiềng Khoi. Nhìn chung các suối trên địa bàn đều ngắn, dốc, tiết diện hẹp cộng với mật độ che phủ của thảm thực vật hạn chế nên lưu lượng nước không ổn định, khả năng giữ nước rất hạn chế. Mùa mưa thường gây lũ quét, xói mòn, rửa trôi mạnh. Mùa khô lưu lượng nước rất thấp, thậm chí nhiều con suối không còn nước. Đây là yếu tố hạn chế rất lớn đến việc đầu tư khai thác nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Hệ thống suối Sập: Bắt nguồn từ cao nguyên Mộc Châu và các nhánh suối khác đổ về như Huổi Tô Bằng, Huổi Nà Ngà và hợp với suối Vạt. Tuy

nguồn nước của hệ thống suối này lớn song giá trị sử dụng tưới cho sản xuất nông nghiệp rất ít chủ yếu chỉ cung cấp cho sinh hoạt và phát triển nuôi cá lồng.

+ Hệ thống suối Vạt: Bắt nguồn từ dãy Khau Cạn và các nhóm suối khác như Huổi Hịt, Huổi Lư, Huổi Tùm. Đây là nguồn nước chính cấp nước sinh hoạt cho xã Yên Châu.

+ Hệ thống suối Nậm Pàn: Từ Lao Khô xã Phiêng Khoài chảy qua xã Yên Sơn theo hướng Tây bắc đổ ra Sông Đà.

*(Nguồn: Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 số 450/BC-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Chiềng Hặc)*

## **5. Tài nguyên**

### **5.1. Tài nguyên rừng, thảm thực vật và động vật**

Tổng diện tích đất lâm nghiệp toàn xã theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 là 13.121,05 ha; tỷ lệ che phủ rừng là 56,59%. Tài nguyên rừng trên địa bàn xã khá phong phú với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như Bách xanh, Đinh Hương, Nghiến...rừng trồng chủ yếu là Tách, Lát, Xoan.

### **5.2. Tài nguyên nước**

Xã Chiềng Hặc có hệ thống suối chính là Hệ thống suối Sặp chạy dọc theo tuyến đường Quốc lộ 6, bắt nguồn chảy từ phường Mộc Châu và các nhánh khác nhập về như: Huổi Tô Buông, Huổi Nà Ngà, Suối Phà... và hợp với suối Vạt ở xã Yên Châu. Với trữ lượng nước nhiều, trong những năm gần đây ngoài phục vụ cho sinh hoạt còn phục vụ cho hoạt động của các thủy điện trên địa bàn xã như thủy điện Đông Khùa và thủy điện Tô Buông.

Đối với các bản vùng cao do mưa thường tập trung và địa hình có nhiều sườn dốc, hệ thống sông suối nhỏ hẹp, nhiều ghềnh thác nên khả năng giữ nước rất hạn chế. Trên địa bàn xã có hồ chứa nước lớn (*Hồ nước Mường Lựm*) tạo điều kiện thuận lợi đối với việc cấp nước sinh hoạt (*tự chảy*) cho nhân dân một số bản, cung cấp nước tưới cho cây công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nước tưới cho lúa nước, cây ăn quả và các loại rau màu.

### **5.3. Tài nguyên khoáng sản**

Hiện nay trên địa bàn xã có 02 mỏ Than hiện đang thực hiện quá thăm dò khoáng sản chưa thực hiện khai thác (*Mỏ than Mường Lựm và Mỏ than Khe Lay, xã Mường Lựm*).

## **6. Phân tích hiện trạng môi trường**

Đánh giá hiện trạng cảnh quan, hiện trạng đất đai và môi trường.

Môi trường nước và không khí trên địa bàn xã ít bị ô nhiễm. Tuy nhiên ở một số khu vực dân cư tập trung, người dân chưa ý thức trong việc thu gom rác thải, xử lý chất thải trong sinh hoạt, chăn nuôi và vệ sinh nên các chất ô nhiễm theo nước chảy xuống các nhánh sông suối làm nguồn nước bị ô nhiễm.

Từ những vấn đề trên cần có giải pháp bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm đảm bảo nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất; tuyên

truyền nâng cao ý thức người dân; cải tạo mạng lưới sông, suối đảm bảo cho việc tiêu thoát nước không gây ngập úng dài ngày.

### 7. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái

Do đặc trưng địa hình dốc và bị chia cắt mạnh nên vào mùa mưa hiện tượng xói mòn, rửa trôi vẫn diễn ra gây khó khăn cho việc đi lại của nhân dân. Tình hình thiên tai những năm qua ít xảy ra các tác động lớn. Tuy nhiên, hàng năm vào mùa mưa vẫn xảy ra hiện tượng lũ quét cục bộ ở một số khu vực bản, khu dân cư nằm cạnh các khe suối lớn,... Nguyên nhân chủ yếu vẫn do tình trạng phát rừng làm nương rẫy dẫn đến lũ quét cục bộ, bên cạnh đó hiện tượng gió lốc kèm theo mưa đá cũng xảy ra trên địa bàn xã.

Những tác động của thiên tai có thể xảy ra: như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ở các bản dọc suối Sặp: Huổi Mong, Nà Ngà, Huổi Sét, Văng Lùng, Huổi Thón, Tà Vài, Lắc Phiêng. Rét đậm rét hại, sương muối, đá lăn có thể xảy ra tại các bản Hang Hóc, Bó Kiếng, Chi Đầy, Co Sáy, Huổi Thón.

## II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

### 1. Hiện trạng sử dụng đất

Theo số liệu Kiểm kê đất đai năm 2024 tại Báo cáo hiện trạng sử dụng đất số 449/BC-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Chiềng Hặc, tổng diện tích tự nhiên xã Chiềng Hặc là 23.990,7 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp: 23.028,61 ha chiếm 95,99% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất xây dựng: 570,56 ha chiếm 2,38% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất khác: 391,53 ha chiếm 1,63% tổng diện tích đất tự nhiên.

**Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất xã Chiềng Hặc năm 2024**

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>23.990,70</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>		<b>23.028,61</b>	<b>95,99</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp <sup>(2)</sup>		9.796,77	40,84
1.2	Đất lâm nghiệp <sup>(3)</sup>		13.121,05	54,69
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	110,79	0,46
1.4	Đất làm muối	LMU	-	-

<sup>2</sup> Bao gồm: Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác); Đất trồng cây lâu năm.

<sup>3</sup> Bao gồm: Đất rừng sản xuất; đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng.

STT	Mục đích sử dụng đất	Kí hiệu	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		-
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>		<b>570,56</b>	<b>2,38</b>
2.1	Đất ở	ONT	115,93	0,48
2.2	Đất công cộng <sup>(4)</sup>	CCC	24,10	0,10
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao <sup>(5)</sup>	CX,TT	1,83	0,01
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	TON,TIN	1,43	0,01
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	CSK	-	-
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	SKC, SKS	27,65	0,12
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác <sup>(6)</sup>	CCK	1,17	0,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		388,65	1,62
2.8.1	Đất giao thông	DGT	272,10	1,13
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	DRA	-	-
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	84,11	0,35
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác <sup>(7)</sup>	DNL, DBV	32,44	0,14
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất <sup>(8)</sup>	DTL	9,80	0,04
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	CQP,CAN	-	-
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>		<b>391,53</b>	<b>1,63</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	SON, MNC	307,99	1,28
3.2	Đất chưa sử dụng	CSD	83,55	0,35

## 2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số

<sup>4</sup> Bao gồm: Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất sinh hoạt cộng đồng, đất chợ, điểm bưu điện – văn hóa xã.

<sup>5</sup> Bao gồm: Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; đất vui chơi giải trí công cộng.

<sup>6</sup> Bao gồm: Đất xây dựng các công trình sự nghiệp khác, đất thương mại dịch vụ.

<sup>7</sup> Bao gồm: Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính viễn thông (trừ điểm bưu điện – văn hóa xã), các công trình đầu mối phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước.

<sup>8</sup> Bao gồm: Đất thủy lợi, đất phi nông nghiệp khác (kho, trạm, trại...).

1666/QĐ-UBND ngày 30/6/2025. (có phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp xã) để làm cơ sở định hướng quy hoạch đến năm 2045.

### **III. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **1. Dân số**

Dân số của xã là 18.721 người, gồm có 5 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn 41 bản, trong đó: dân tộc Thái chiếm 69,82%, dân tộc Mông chiếm 21,67%, dân tộc Kinh chiếm 8,5%, còn lại là các dân tộc khác. Dân cư phân bố không đồng đều.

Rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn xã cụ thể như sau:

- Hộ nghèo: 529 hộ.
- Hộ cận nghèo: 500 hộ.

#### **2. Lao động**

- Hiện nay, toàn xã có 10.268 lao động, chiếm 54,85% dân số.  
- Nhân lực tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông – lâm - thủy sản. Nhóm lao động thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ chiếm tỷ lệ nhỏ. Bên cạnh đó, số lượng lao động làm việc ngoại tỉnh là 860 người, chiếm 8,38% số lao động. Việc phát triển lao động làm việc ngoại tỉnh là xu hướng phát triển trong thời gian tới, góp phần tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.

- Về chất lượng lao động: Tuy nguồn lao động của xã dồi dào, song chất lượng nguồn lao động còn thấp. Trong thời gian tới cùng với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì nhu cầu sử dụng lao động có trình độ là rất lớn, vì vậy trong tương lai để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã thì việc đào tạo, nâng cao chất lượng trình độ lao động cần được quan tâm và chú trọng đầu tư, đây là một vấn đề quan trọng để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

#### **3. Nông nghiệp**

##### **3.1. Trồng trọt**

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm, chú trọng xây dựng thương hiệu, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây hàng năm hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây ăn quả trên đất dốc có hiệu quả kinh tế cao.

Tổng diện tích gieo trồng kế hoạch giao 5.951 ha, thực hiện được 5.706 đạt 95,88% kế hoạch năm, trong đó:

- Cây lương thực có hạt kế hoạch giao 1.735 ha, thực hiện 1.644 đạt 88,7 so với cùng kỳ năm 2024 (*Lúa vụ xuân 161 ha, Lúa vụ mùa 267 ha, Lúa nương 44 ha, Ngô xuân hè 1.172 ha*).

- Cây công nghiệp hàng năm: thực hiện năm 2025 là 712,5 ha, đạt 100% kế hoạch (*Mía nguyên liệu 700 ha, Cây đậu tương 9 ha, Cây lạc 3,5 ha*).

- Cây công nghiệp lâu năm: kế hoạch giao 5 ha, thực hiện 3 ha, đạt 60% kế hoạch năm (*Cây chè 02 ha, Cây cà phê 01 ha*).

- Tổng diện tích cây ăn quả hiện có của xã 3.219,1 ha (*một số cây ăn quả chủ yếu: Xoài 1.360 ha; Nhãn 995 ha; Mận hậu 320 ha; Chuối 332 ha; Dâu tây 01 ha; Mắc ca 9,1 ha; Chanh leo 07 ha; Cây ăn quả khác 195 ha*) đạt 99,8% theo kế hoạch. Toàn xã đã tiêu thụ được 26.872,1 tấn quả các loại (*trong đó: Xoài 11.367 tấn; nhãn 8.027,5 tấn; Mận hậu 2.500 tấn; Chuối 4.121 tấn; Dâu tây 13 tấn; Mắc ca 0,6 tấn; Chanh Leo 45 tấn; Cây ăn quả khác 798 tấn*). Tổng giá trị sản phẩm quả các loại đã tiêu thụ ước đạt 182,690 tỷ đồng.

### **3.2. Chăn nuôi**

Đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn duy trì và phát triển ổn định. Trong đó:

- Gia súc: Tổng 20.595 con (*trong đó: Trâu 830 con, Bò 6.080 con, Lợn 10.370 con, Ngựa 15 con, Dê 3.300 con*). Trên địa bàn xã có 01 trại lợn của Công ty Minh Thủy thường xuyên được Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, thực hiện các biện pháp xử lý nước thải theo quy định.

- Gia cầm: 93.100 nghìn con.

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.340,6 tấn.

Chỉ đạo, hướng dẫn các hộ chăn nuôi áp dụng đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh.

### **3.3. Thủy sản**

Hướng dẫn nhân dân thực hiện tốt việc chăm sóc cho thủy sản trong thời điểm giao mùa, thời tiết có nhiều thay đổi; gia cố lại bờ chủ động ứng phó khi có thiên tai xảy ra; phòng, chống và kiểm tra dịch bệnh cho cá trên ao nuôi, lựa chọn cá giống đảm bảo chất lượng và thực hiện đúng quy trình phòng trị bệnh. Duy trì diện tích thủy sản hiện có 80 ha, sản lượng ước đạt 125 tấn.

*(Nguồn: Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Chiềng Hặc về Kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

## **4. Lâm nghiệp**

Phối hợp với Hạt kiểm lâm khu vực tổ chức Hội nghị tuyên truyền phổ biến Pháp luật công tác bảo vệ rừng và Phát triển rừng trên địa bàn xã, trong năm đã tổ chức được 09 hội nghị và có 945 người ký cam kết bảo vệ rừng. Thành lập được 37 tổ bảo vệ rừng với 592 người tham gia tổ bảo vệ rừng.

Xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực lâm nghiệp: Vận chuyển lâm sản trái phép 02 vụ, phạt tiền 8.000.000 đồng, đã chấp hành nộp đủ; 03 vụ phá rừng trái pháp luật 13 đối tượng, diện tích vi phạm 6.660m<sup>2</sup>, phạt tiền 144.500.000 đồng, đã nộp 20.000.000 đồng, còn tồn 124.500.000 đồng.

## **5. Thương mại, dịch vụ**

Doanh thu từ dịch vụ thương mại: Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ

trên địa bàn năm 2025 ước đạt 132 tỷ đồng, giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu đạt 3,37 triệu USD. Tập trung thu hút các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, trên địa bàn. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại một số khu vực trung tâm được diễn ra thường xuyên, ổn định và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh buôn bán; công tác phối hợp với các lực lượng chức năng trong việc kiểm soát, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả luôn được quan tâm. Trong năm cấp mới đăng ký hộ kinh doanh được 26 hộ.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, dừng chân cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách du lịch khi đến các địa điểm tham quan, điểm dừng chân trên địa bàn.

## **6. Môi trường**

Trên địa bàn xã có 01 trại lợn của Công ty Minh Thúy thường xuyên được Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, thực hiện các biện pháp xử lý nước thải theo quy định.

## **7. Quy hoạch**

Bám sát các quy hoạch, kế hoạch được duyệt, chủ trương đầu tư, quan tâm đến môi trường và phát triển bền vững; tiếp tục thực hiện chính sách phát triển xây dựng giao thông nông thôn, điện, trường, trạm, nước sinh hoạt... gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng; thẩm định hồ sơ dự toán xây dựng công trình. Thẩm định 06 hồ sơ dự toán xây dựng công trình, cả 06 công trình đã và đang được hoàn thiện tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm 2025.

## **8. Đầu tư xây dựng**

Trên địa bàn xã đang thực hiện 02 dự án do Ban quản lý dự án ĐTXD làm chủ đầu tư, cụ thể:

- Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ hồ Chiềng Khoi đi bản Cang, bản Pa Hóc. Tổng mức đầu tư: 12.850 triệu đồng.

- Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình giáo dục trên địa bàn các xã Chiềng Hặc, Tú Nang năm 2025. Tổng mức đầu tư: 3.040 triệu đồng.

## **9. Hợp tác xã**

Trên địa bàn xã hiện đang có 14 Hợp tác xã đang hoạt động.

## **10. Chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Trên địa bàn xã có 03 trạm Y tế, với 03 bác sỹ, 15 giường bệnh, các trạm y tế đang hoạt động theo chỉ đạo của Trung tâm Y tế (*thuộc Sở Y tế quản lý*).

## **11. Giáo dục và Đào tạo**

Sau sáp nhập toàn xã có 10 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo (*gồm: 3 trường Mầm non; 3 trường Tiểu học; 2 trường TH và THCS; 2 Trường THCS*); chất lượng giáo dục có bước chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh chuyển lớp trong năm duy trì ở mức cao; giữ vững phổ cập giáo dục mầm non

cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, xoá mù chữ đạt mức độ 2, phổ cập trung học cơ sở đã đạt mức độ 2; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ; Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tập trung xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, toàn xã có 5 trường đạt chuẩn quốc gia, 100% các đơn vị trường học được giao tự chủ về tài chính; cơ sở vật chất lớp học, nhà bán trú được tăng cường với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm; triển khai tốt việc nấu ăn cho học sinh bán trú thuộc các bản đặc biệt khó khăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

## **12. Văn hoá - thông tin và du lịch**

- *Phát thanh, truyền hình*: Các trạm truyền thanh tiếp tục duy trì các chuyên mục trên sóng phát thanh, sản xuất các chương trình phát trên sóng phát thanh hàng ngày theo chỉ đạo của Trung tâm Truyền thông - Văn hóa.

- *Du lịch*: Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp Hồ Mường Lựm đã được phê duyệt.

## **13. Quản lý tôn giáo**

Tình hình hoạt động tôn giáo diễn ra bình thường đúng pháp luật, các điểm nhóm tự xung, các tín đồ theo các tôn giáo cơ bản chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tích cực vận động giúp nhau phát triển kinh tế, ổn định đời sống, chấp hành tốt quy ước, hương ước của bản, tiểu khu, không có biểu hiện lợi dụng tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan.

## **14. Công tác quốc phòng, an ninh**

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững và ổn định, phong trào an ninh nhân dân được củng cố thường xuyên. Tổ chức tốt việc tuyên truyền cho nhân dân không ngừng nâng cao cảnh giác chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, chủ động tấn công truy quét tội phạm, duy trì và củng cố an ninh thôn bản, tăng cường các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Không để xảy ra tái trồng cây thuốc phiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối các ngày lễ tết, làm tốt công tác tạm trú, tạm vắng quản lý hộ tịch hộ khẩu.

*(Nguồn: Báo cáo số 452/BC-UBND ngày 11/12/2025 của UBND xã Chiềng Hặc về Kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

# **IV. HIỆN TRẠNG CẢNH QUAN KHU DÂN CƯ VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI**

## **1. Đánh giá hiện trạng khu dân cư**

### **1.1. Hiện trạng nhà ở**

Nhân dân xã Chiềng Hặc sinh sống trải rộng trên địa bàn 41 bản. Các bản phân bố trải rộng trên địa bàn toàn xã, ở những khu vực thuận lợi cho làm ăn buôn bán thì mật độ dân số dày hơn. Nhà ở của người dân thường làm trên diện tích đất rộng, khoảng cách giữa các hộ dân thường từ 50-100m, ở những bản xa khoảng cách giữa các hộ dân thường lớn hơn.

### **Hình thái kiến trúc**

- **Hình thái 1:** Nhà ở ven các trục đường giao thông chính và khu vực trung tâm xã, trung tâm bản, số hộ có nhà xây chiếm tỷ lệ lớn, nhà kiên cố có cổng, hàng rào, cảnh quan kiến trúc được chú trọng. Nhà ở thường sát hành lang giao thông đường, nhà ở san sát và khoảng cách giữa các hộ liền kề thường nhỏ.

- **Hình thái 2: Nhà ở khu dân cư bản:** chủ yếu là nhà ở thuần nông với khuôn viên rộng, nhà ở truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc. Bao quanh nhà có vườn rau, vườn cây ăn quả, chuồng nuôi lợn, gà, trâu, bò... Nhà thường không có cổng hoặc cổng và hàng rào làm đơn giản bằng tre, gỗ. Nhà ở thưa thớt hơn.

### **1.2. Hiện trạng phân bố dân cư**

- **Phân bố dọc theo các tuyến đường:** Các hộ dân phân bố dọc theo các tuyến đường khu vực trung tâm xã, các tuyến đường liên xã, liên bản. Mật độ dân cư tập trung cao hơn, mật độ xây dựng trung bình khoảng 60%. Các hộ kết hợp nhà ở với kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ (*bán hàng tạp hóa, kinh doanh nông sản, thực phẩm, vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng,...*) cũng nằm trên các khu vực này.

- **Phân bố thành các cụm nhỏ:** Bộ phận dân cư còn lại phân bố rải rác, đơn lẻ thành các nhóm nhỏ trên dưới 10 hộ gia đình. Hình thức ở kết hợp kinh tế vườn - ruộng - nương và chăn nuôi. Khu vực này có mật độ xây dựng khoảng 10-20%. Các hộ dân sinh sống gần nguồn nước, ven bờ sông, suối, ở vùng thung lũng hay trên các sườn núi cao làm nương rẫy... là những nơi có nguy cơ và tần suất cao xảy ra lũ quét, sạt lở.

### **1.3. Đề xuất quy hoạch khu dân cư**

#### **- Chính trang khu dân cư hiện trạng**

+ Vị trí các khu ở nói chung vẫn giữ nguyên hiện trạng.

+ Trong kỳ quy hoạch cần chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu dân cư cũ (*hệ thống đường ngõ xóm, hệ thống thoát nước, san nền và xử lý rác thải*), vận động nhân dân đổi đất, hiến đất để chỉnh trang bờ rào ở những vị trí có chỉnh sửa quy hoạch. Bố trí sắp xếp nhà ở, các công trình phụ trợ trong vườn một cách khoa học, hợp lý. Đặc biệt chú ý hệ thống thoát nước từ vườn hộ và cả khu dân cư; hệ thống nhà vệ sinh và khu chuồng trại phải cách ly khu nhà ở và giếng nước; các hố ủ phân, rác phải xử lý đáy chống thấm và được phủ kín phía trên. Vận động xây dựng các bể Biogas và hệ thống hố xí tự hoại.

- Hệ thống thoát nước mặt chính tại từng điểm dân cư:

+ Dọc theo các trục đường liên xã xây dựng hệ thống cống, rãnh thoát nước mặt. Tận dụng tối đa cao độ địa hình làm hướng thoát nước tự chảy.

+ Chỉnh trang, bảo vệ, cải tạo các kênh rạch, mương tưới tiêu hiện có trên địa bàn để đảm bảo vệ sinh môi trường.

#### **- Quy hoạch khu dân cư mới**

+ Nhu cầu giãn dân, tách hộ thực hiện theo hình thức tại chỗ, không dàn trải. Định hướng phát triển dân cư trên cơ sở tôn trọng thực tế, tránh xáo trộn

đến đời sống nhân dân. Về không gian những phần diện tích đất canh tác xen lẫn khu dân cư như: ao nhỏ không canh tác, đất trồng chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa kém năng suất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất sẽ được quy hoạch vào đất ở.

+ Ngoài ra, các bản có diện tích tự giã không đáp ứng nhu cầu phát triển khu dân cư, xã bố trí các điểm dân cư mới tập trung tại các bản.

### **- Quy hoạch mở rộng khu dân cư cụm trung tâm xã**

Trong kỳ quy hoạch, đề xuất mở rộng khu dân cư trung tâm xã.

+ Diện tích quy hoạch: khoảng 3ha.

+ Chinh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu dân cư, Quy hoạch hệ thống giao thông, điện, nước sạch...

+ Quy hoạch hạ tầng xã hội: khu vui chơi, sân vận động trung tâm,...

## **2. Đánh giá thực trạng đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn**

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn (*theo mục 1.4.16 và mục 1.4.17 QCVN 01:2021/BXD*) được trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (*bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ*) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương. Theo đó, trên địa bàn xã Chiềng Hặc chưa có các khu vực công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ nhu cầu của người dân. **Đề xuất trong kỳ quy hoạch:**

+ Cần rà soát, xác định diện tích đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn.

+ Xác định cây xanh sử dụng công cộng phải quy hoạch để đảm bảo cho người dân tiếp cận thuận lợi; chủng loại cây xanh không được làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông, phù hợp với các yêu cầu về phòng chống thiên tai, không gây hư hại công trình, bao gồm cả phần ngầm và trên mặt đất, không tiết ra các chất độc hại hoặc hấp dẫn côn trùng ảnh hưởng đến dân cư.

+ Loài cây trồng: Chọn loài cây trồng phù hợp với mục đích, cảnh quan và điều kiện sinh thái, tập quán canh tác của xã, ưu tiên trồng cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích, có giá trị bảo vệ môi trường.

## **3. Hiện trạng các công trình hành chính sự nghiệp**

### **3.1. Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã**

- Vị trí: Trụ sở làm việc chính của Đảng ủy - HĐND - UBND xã được đặt tại bản Huổi Sét, xã Chiềng Hặc cũ.

- Diện tích khu đất: 3.450 m<sup>2</sup>.

- Hạ tầng xây dựng: 01 nhà làm việc 03 tầng, với diện tích khoảng 1.200 m<sup>2</sup> sàn, 01 nhà cấp 4 đang sử dụng để làm việc, 01 nhà hội trường lắp ghép bằng sắt. Khuôn viên, sân, tường, cổng đảm bảo sử dụng.

#### **- Đánh giá chung**

Sau sáp nhập, hạ tầng trụ sở làm việc chưa đáp ứng đủ nhu cầu làm việc hiện tại của xã.

#### **- Đề xuất**

+ Mở rộng trụ sở quy mô khoảng 3,0 ha (*khu vực đất do UBND xã quản lý và đất hộ gia đình, cá nhân*). Xây dựng hạ tầng cơ sở.

+ Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng.

+ Xây dựng nhà công vụ xã 2 phòng.

#### **3.2. Trụ sở công an xã**

- Hiện công an xã đang làm việc tại 3 trụ sở bao gồm:

+ Trụ sở 1 đặt tại Bản Huổi Sét. Hiện trụ sở đang được đầu tư xây dựng ở sân vận động xã cũ tại bản Huổi Sét.

+ Trụ sở 2 tại Bản Đông Khùa. Hiện đang bố trí 01 phòng làm việc tại trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã Tú Nang cũ.

+ Trụ sở 3 tại Bản Mường Lựm. Hiện trụ sở đang được đầu tư xây dựng cạnh trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã Mường Lựm cũ.

#### **- Đề xuất**

+ Trong kỳ quy hoạch, nhằm đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, nơi làm việc, sinh hoạt cho cán bộ chiến sĩ đề xuất quy hoạch mở rộng trụ sở công an xã Chiềng Hặc tại bản Huổi Sét.

+ Hoàn thiện hồ sơ giao đất, cấp GCN QSD đất cho các Trụ sở công an xã trên địa bàn xã Chiềng Hặc.

#### **3.3. Đất quốc phòng**

##### **3.3.1. Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã**

- Vị trí: Bản Huổi Sét.

- Diện tích khu đất: 300 m<sup>2</sup>.

- Diện tích xây dựng: 60 m<sup>2</sup>.

**Đề xuất:** Hoàn thiện hồ sơ giao đất, cấp GCN QSD đất cho Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã.

##### **3.3.2. Thao trường huấn luyện**

Chưa có Thao trường huấn luyện của xã.

**Đề xuất:** Cần quy hoạch vị trí và xây dựng phương án sử dụng trong kỳ quy hoạch.

## **4. Hiện trạng các công trình công cộng**

### **4.1. Nhà văn hóa trung tâm xã**

- Vị trí: Bản Huổi Sét (nằm trong khuôn viên trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã).

- Diện tích xây dựng: 450 m<sup>2</sup>.

- Năm xây dựng:

- Hạ tầng xây dựng: nhà lắp ghép.

#### **- Đánh giá chung**

+ *Về diện tích*: diện tích nhà văn hóa xã nhỏ, không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của nhân dân.

+ *Về hạ tầng*: bàn ghế sử dụng trong nhà văn hoá đã cũ, xuống cấp và hư hỏng.

#### **- Đề xuất**

+ Quy hoạch vị trí mới xây dựng nhà văn hóa xã.

+ Xây dựng thiết chế nhà văn hóa theo đúng quy định.

### **4.2. Nhà văn hóa các bản**

#### **- Đánh giá chung**

Hiện nay, có 41/41 bản đã có nhà văn hoá, tuy nhiên một số nhà văn hoá đã xuống cấp, hư hỏng, diện tích không đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân.

#### **- Đề xuất**

+ Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hoá bản đã xuống cấp.

+ Xây mới các nhà văn hóa không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của nhân dân.

### **4.3. Trường học**

#### **\* Trường mầm non:**

Trên địa bàn xã có 3 trường mầm non, cụ thể:

- Trường mầm non Sao Mai.

- Trường mầm non Hương Xoài.

- Trường mầm non Hương Xuân.

#### **- Đề xuất trong kỳ quy hoạch**

+ Sửa chữa, xây mới các hạng mục còn thiếu và đã xuống cấp.

#### **\* Trường Tiểu học:**

Trên địa bàn xã có 3 trường Tiểu học, cụ thể:

- Trường tiểu học Tú Nàng.

- Trường tiểu học Tài Vài.

- Trường tiểu học Chiềng Hặc.

**- Đề xuất trong kỳ quy hoạch**

+ Sửa chữa, xây mới các hạng mục còn thiếu và đã xuống cấp.

**\* Trường Tiểu học và THCS:**

Trên địa bàn xã có 2 trường Tiểu học và THCS, cụ thể:

- Trường tiểu học và THCS Tà Làng.
- Trường tiểu học và THCS Mường Lựm.

**- Đề xuất trong kỳ quy hoạch**

+ Sửa chữa, xây mới các hạng mục còn thiếu và đã xuống cấp.

**\* Trường THCS:**

Trên địa bàn xã có 2 trường THCS, cụ thể:

- Trường THCS Tú Nang.
- Trường THCS Chiềng Hặc.

**- Đề xuất trong kỳ quy hoạch**

+ Sửa chữa, xây mới các hạng mục còn thiếu và đã xuống cấp.

**4.4. Trạm y tế**

**\* Hiện trạng:**

Trên địa bàn xã có 3 trạm y tế, trong đó: Trạm Y tế Chiềng Hặc được đặt tại Trạm Y tế Tú Nang cũ; Điểm Y tế Chiềng Hặc được đặt tại Trạm Y tế Chiềng Hặc cũ và Điểm Y tế Mường Lựm được đặt tại Trạm Y tế Mường Lựm cũ.

**\* Đánh giá chung:**

Các trạm y tế đã được xây dựng theo tiêu chuẩn nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế vẫn còn thiếu một số hạng mục thiết yếu nhằm phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

**\* Đề xuất:**

- Đầu tư nâng cấp trạm y tế, đầu tư trang thiết bị, cải tạo vườn thuốc nam và nâng cao trình độ của các cán bộ y tế để làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

- Với mục tiêu mở rộng quy mô điều trị nội trú tại Trạm Y tế xã, **đề xuất** điều chuyển toàn bộ diện tích và hạ tầng Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tú Nang cũ cho Trạm Y tế Chiềng Hặc sử dụng.

*Bảng 2. Hiện trạng hạ tầng trạm y tế xã*

STT	Tên	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đội ngũ cán bộ (người)	Hạ tầng xây dựng
1	Điểm Y tế Chiềng Hặc (Trạm Y tế Chiềng Hặc cũ)	1.472	6	- Nhà cấp III: 07 phòng chức năng - Nhà cấp IV: 05 Phòng chức năng

STT	Tên	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đội ngũ cán bộ (người)	Hạ tầng xây dựng
2	Trạm Y tế Chiềng Hặc (Trạm Y tế xã Tú Nang cũ)	1.780	6	- Nhà cấp III: 07 phòng chức năng - Nhà cấp IV: 05 Phòng chức năng - Nhà lắp ghép: 05 phòng
3	Điểm Y tế Mường Lựm (Trạm Y tế Mường Lựm cũ)	767	6	- Nhà cấp III: 07 phòng chức năng - Nhà cấp IV: 05 Phòng chức năng

#### 4.5. Chợ

Chợ trung tâm xã hiện nay chưa được đầu tư xây dựng.

Hiện trên địa bàn xã có các chợ tạm, chợ dân sinh như sau:

- Xã Chiềng Hặc cũ có 01 chợ tạm diện tích khoảng 363 m<sup>2</sup>.
- Xã Mường Lựm cũ có 01 chợ dân sinh, diện tích khoảng 580m<sup>2</sup> (tổng diện tích khu đất khoảng 2.100m<sup>2</sup>).

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các cửa hàng tạp hoá/cửa hàng tiện lợi có diện tích trên 50m<sup>2</sup> và có trên 200 mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân.

**Đề xuất:** Trong giai đoạn tới, cần quy hoạch vị trí xây dựng chợ trung tâm xã.

#### 4.6. Bưu chính, viễn thông

##### \* Bưu chính

- Xã có 03 điểm giao dịch Bưu điện văn hóa: tại Xã Chiềng Hặc cũ (155 m<sup>2</sup>); xã Tú Nang cũ (135,4 m<sup>2</sup>) và xã Mường Lựm cũ (225 m<sup>2</sup>). Hiện trạng các công trình này đều là nhà xây cấp IV đã xuống cấp, không đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho việc sử dụng dịch vụ viễn thông của nhân dân trong xã.

- **Đề xuất:** Trong kỳ quy hoạch cần nâng cấp, sửa chữa bưu điện văn hóa trung tâm xã.

##### \* Viễn thông

Trạm thu phát dịch vụ viễn thông (Trạm Viettel; VinaPhone): Toàn xã đã có một số cột thu phát sóng của các Doanh nghiệp Viễn thông đặt trên địa bàn; địa điểm chạy dọc theo trục đường chính vào trung tâm xã. Có 35/41 bản đã được phủ sóng điện thoại và mạng 3G, 4G đảm bảo thông tin liên lạc và kết nối thông tin phục vụ người dân

#### 4.7. Sân vận động trung tâm xã

Xã chưa có sân vận động trung tâm. **Đề xuất:** Trong giai đoạn tới, cần quy hoạch sân vận động trung tâm của xã.

#### 4.8. Cây xăng

Trên địa bàn xã Chiềng Hặc có 03 cây xăng đang hoạt động phục vụ nhu cầu của nhân dân, trong đó: các cây xăng được đặt tại bản Huổi Sét (*diện tích khoảng 4.424 m<sup>2</sup>, nằm trên trục đường QL6, xã Chiềng Hặc cũ*); tại bản Tà Làng thấp (*diện tích khoảng 2.000 m<sup>2</sup>, đặt tại xã Tú Nang cũ*) và tại bản Tà Làng cao (*diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup>, đặt tại xã Tú Nang cũ*).

**Đề xuất:** Trong kỳ quy hoạch, nhằm đảm bảo nguồn cung nhiên liệu ổn định cho các phương tiện giao thông, doanh nghiệp vận tải, nông nghiệp và công nghiệp trên địa bàn xã đề xuất quy hoạch thêm 01 cây xăng tại xã Mường Lựm. Quy hoạch vị trí thuận tiện cho việc mua bán xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan, xây dựng phương án đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động kinh doanh.

#### 4.9. Các công trình di tích, danh lam thắng cảnh

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch luôn được lãnh đạo các cấp, các ngành tỉnh Sơn La quan tâm, định hướng phát triển. Trong đó, tập trung phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, sản vật địa phương tạo liên kết khai thác phát triển các tour, tuyến du lịch mới liên kết với các tỉnh trong khu vực Tây Bắc và các địa phương trong cả nước.

- Di tích lịch sử kháng chiến chống Mỹ cầu Tà Vài được UBND tỉnh Sơn La công nhận Di tích lịch sử cấp Tỉnh tại Quyết định số 174/2004/QĐ-UBND, ngày 13/12/2004. Cầu Tà Vài, thuộc bản Lắc Phiêng (*xã Chiềng Hặc cũ*) là một di tích lịch sử kháng chiến chống Mỹ, là một phần quan trọng của "*huyết mạch giao thông*" Quốc lộ 6 trong cuộc kháng chiến. Trong những năm qua, Di tích lịch sử cầu Tà Vài đã được quan tâm tu sửa và tôn tạo. Di tích bao gồm: các mô cầu cũ, chứng tích hố bom, một nhà bia tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh và cây xanh cảnh quan...

- Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ Yên Châu được UBND tỉnh Sơn La công nhận Di tích lịch sử cấp Tỉnh tại Quyết định số 1220/2018/QĐ-UBND) ngày 30/5/2018. Cách Trung tâm xã Chiềng Hặc khoảng 14 km về hướng Tây Nam là đến điểm Cây đa Nóng Luông bản Na Băng xã Mường Lựm, huyện Yên Châu (cũ) nay là Bản Luông xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La. Nơi đây là một biểu tượng lịch sử – văn hóa: là nơi Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Yên Châu được thành lập vào ngày 11/6/1948. Cây đa không chỉ là kỳ thực tự nhiên mà còn là chứng nhân lịch sử của phong trào cách mạng Tây Bắc. Việc bảo tồn và phát huy giá trị này là trách nhiệm của toàn Đảng và toàn thể nhân dân, cộng đồng và thế hệ kế tiếp sau này, với những trang sử vẻ vang của quê hương, xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La.

- Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn có 01 Danh lam thắng cảnh đang đề nghị công nhận cấp tỉnh là hang Tiên Cảnh, bản Hang Hóc và di tích mộ Nàng Tú ở bản Chiềng Ban I.

Những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên được Nhân dân các dân tộc tiếp tục gìn giữ và phát huy giá trị, góp phần làm giàu vốn văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

## V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Giao thông

#### \* Hiện trạng:

- Theo QĐ số 2546/QĐ-UBND ngày 11/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt điều chỉnh, phân loại đường bộ trên địa bàn xã Yên Châu, xã Chiềng Hặc, xã Lóng Phiêng, xã Yên Sơn và xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La. Xã Chiềng Hặc có tổng số tuyến đường bộ sau rà soát, điều chỉnh, phân loại là 84 tuyến/170,12km, trong đó:

+ Đường xã 22 tuyến/108,23km (trong đó chuyển 01 tuyến, đoạn tuyến đường huyện/22,15km đi qua địa bàn xã (đường liên xã) thành đường xã, đây là các tuyến đóng vai trò là đường chính, có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã, đảm bảo quốc phòng an ninh). Cụ thể:

- Đường láng nhựa: 21,45 km, tỷ lệ đạt 19,82%.
- Đường bê tông xi măng: 45,48 km, tỷ lệ đạt 42,02%.
- Đường đất: 41,3 km, tỷ lệ đạt 38,16%.

+ Đường thôn, bản: 62 tuyến/61,89km. Cụ thể:

- Đường bê tông xi măng: 33,02 km, tỷ lệ đạt 53,35%.
- Đường cấp phối: 0,3 km, tỷ lệ đạt 0,49%.
- Đường đất: 28,57 km, tỷ lệ đạt 46,16%.

- Ngoài ra, thống kê các loại đường khác trên địa bàn xã, cụ thể:

+ Giao thông đối ngoại: Có trục kết nối từ Thị trấn Yên Châu (cũ) đến trung tâm xã là QL.6 chiều dài tuyến khoảng 22km, đã được nhựa hóa; Tuyến đường tỉnh ĐT.103 giao cắt với QL.6 tại ngã 3 Tà Làng, tuyến đường nối từ QL6 vào trung tâm xã dài khoảng 22km và tuyến đường từ ngã 3 Chiềng Hặc đi Mường Lựm dài 22,1km.

+ Đường trục chính nội đồng: với chiều dài 171,3 km; hiện trạng là đường đất.

#### \* Đánh giá chung:

Nhìn chung các tuyến đường giao thông đã phân bố tương đối hợp lý đến các khu dân cư và khu sản xuất. Tuy nhiên, tỷ lệ đường đất còn lớn, gây khó khăn trong việc đi lại cho nhân dân trong xã.

#### \* Đề xuất:

- + Trong kỳ quy hoạch, cần cứng hóa các tuyến đường đất.
- + Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường đã bị xuống cấp, hư hỏng.

## **2. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng**

Nguồn điện cung cấp cho địa bàn xã được cung cấp từ lưới điện quốc gia (*đường dây trung thế 35 KV*) trong vùng chạy qua. Hiện nay trên địa bàn xã có 41/41 bản được sử dụng điện lưới quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 3,5km đường điện cap áp chiếu sáng dọc QL6. **Đề xuất:** Trong kỳ quy hoạch, cần tiến hành duy tu bảo dưỡng hệ thống đường điện định kỳ, đảm bảo sử dụng điện an toàn và đầu tư bổ sung các tuyến đường dây cho các khu dân cư mở rộng đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân trên địa bàn xã.

## **3. Thủy lợi**

Hệ thống kênh mương thủy lợi của xã được xây dựng đồng bộ, đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích lúa và diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã. Các công trình thủy lợi đã góp phần đáng kể cho việc khuyến khích thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và chuyển đổi cây trồng. **Đề xuất:** Hàng năm, tiến hành nạo vét kênh mương, tu sửa các tuyến mương bị xuống cấp và kiên cố hóa các tuyến mương đất nhằm đảm bảo nước tưới tiêu cho diện tích lúa ruộng và rau màu.

## **4. Cấp nước**

Hiện nay trên địa bàn xã đã có gần 90% hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ các mỏ nước, dẫn nước theo các đường ống HDPE về các khu dân cư và hộ gia đình. Trong những năm gần đây chương trình nước sạch nông thôn đã được chú trọng và quan tâm hơn, 58% hộ dân được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch, tuy nhiên trong thời gian sử dụng kém hiệu quả hoặc đã hư hỏng.

**Đề xuất:** Nhằm tiếp tục duy trì và nâng quy mô số hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn xã cần tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp hệ thống đường ống chính để đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của người dân.

## **5. Thoát nước và vệ sinh môi trường**

### **5.1. Thoát nước mưa**

Khu vực dọc trục đường QL6 có rãnh thoát nước 2 bên đường (*dạng rãnh hình thang*). Các khu vực còn lại chủ yếu thoát nước theo địa hình đồi dốc tự nhiên rồi chảy ra các sông, suối hiện có trên địa bàn xã. **Đề xuất:** Trong thời gian tới, cần xây mới, mở rộng các cống qua đường, rãnh thoát nước, các tuyến thoát nước mưa chạy dọc theo các khu vực dân cư, trục đường chính thoát theo hướng dốc tự nhiên; hệ thống rãnh thoát nước xây bằng đá hộc hoặc bê tông (*có nắp đan tại khu vực đông dân cư*) để dẫn nước ra các khu vực trũng thấp, ra đất nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường, chống úng ngập cục bộ.

### **5.2. Thoát nước thải sinh hoạt và chăn nuôi**

Phương thức thoát nước thải tại một số gia đình là xử lý cục bộ tại nhà (*xử lý tại chỗ bằng các bể tự hoại*), một phần theo các mương tưới chảy đi và còn lại một phần theo dạng tự thấm thấu. Các hộ còn lại lượng nước thải sinh hoạt, chất

thải phát sinh chưa được thu gom, chưa qua xử lý, thải ra môi trường thường xuyên.

**Đề xuất:** Trong thời gian tới, khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, phải xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

### **5.3. Chất thải rắn**

Xã chưa có điểm thu gom rác thải tập trung. Ủy ban nhân dân xã hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La về công tác thu gom rác thải sinh hoạt đối với các bản dọc đường quốc lộ 6 về bãi rác Yên Châu xử lý.

Các hộ gia đình còn lại xử lý rác thải cục bộ tại bản và hộ gia đình. Sử dụng các hình thức tổ hợp vườn ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, lò đốt rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt và chăn nuôi.

#### **Đề xuất:**

- Trong thời gian tới, khuyến khích thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, vận động tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh; cần bố trí thùng đựng rác để ở các điểm thuận lợi để nhân dân bỏ rác không vất rác bừa bãi, đặc biệt là không xả chất thải rắn xuống khu vực ao, hồ, sông, suối (*như vỏ bao nilon, vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt côn trùng, bìa carton...*) tránh gây ô nhiễm môi trường và tắc nghẽn dòng chảy.

- Quy hoạch bãi rác tập trung và các điểm tập kết rác thải.

### **5.4. Đánh giá chung**

Qua đánh giá thực trạng về môi trường của xã cho thấy: môi trường nước và không khí trên địa bàn xã ít bị ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư trong xã tuy chưa nghiêm trọng nhưng trong thời gian tới cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, nếu không có các biện pháp và kế hoạch kịp thời sẽ kéo theo các vấn đề về suy thoái môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong xã. Bên cạnh đó, cần có giải pháp bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm đảm bảo nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất; tuyên truyền nâng cao ý thức người dân; cải tạo mạng lưới sông, suối đảm bảo cho việc tiêu thoát nước không gây ngập úng dài ngày.

## **6. Nghĩa trang, nghĩa địa**

Diện tích đất nghĩa địa trên địa bàn xã là 81,91 ha với 36 khu nằm rải rác trên địa bàn các bản. Tỷ lệ lấp đầy từ 20-60%. Do đặc thù về địa hình rộng và trải dài nên việc bố trí nghĩa trang thành vùng tập trung là không thể thực hiện được. Tuy nhiên, các nghĩa địa cần được quy hoạch về mặt cảnh quan và quy hoạch đường đi vào các nghĩa địa.

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA XÃ**

### **1. Thuận lợi**

- Vị trí địa lý xã nằm trên tuyến đường Quốc lộ 6 đoạn chạy qua, đây là tuyến giao thông có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với xã là tuyến đường huyết mạch kết nối xã với các xã khác, cũng như với trung tâm tỉnh Sơn La. Mặt khác, xã có diện tích đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, ruộng nước, diện tích ao hồ nuôi thủy sản rất phong phú, hệ thống thủy lợi tưới tiêu chủ động là điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất thâm canh tăng vụ.

- Sự đa dạng của yếu tố địa hình, khí hậu, đất đai cùng các nguồn tài nguyên sinh học phong phú cho phép phát triển một nền sản xuất nông - lâm nghiệp đa dạng, thâm canh theo hướng hàng hoá tập trung sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả... phát triển thủy điện, điện gió, khai thác khoáng sản.

- Có nguồn lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp dồi dào.

### **2. Khó khăn**

- Địa hình phức tạp, chia cắt, phần lớn diện tích đất của xã chủ yếu là núi đá, có độ dốc lớn dễ bị xói mòn nguy cơ thoái hoá cao.

- Đặc điểm trong vùng có khí hậu rất khắc nghiệt: nắng nóng, lũ lụt về mùa hè; sương muối, hanh khô, hạn hán về mùa đông; vào mùa mưa lượng nước tương đối lớn và tập trung, tạo thành dòng chảy mạnh trên các sườn dốc gây ra xói mòn, rửa trôi dẫn đến phần lớn diện tích đất trong vùng bị bạc màu và có nguy cơ thoái hoá.

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp - nông thôn chưa bền vững. Giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất nông, lâm nghiệp còn thấp.

- Nguồn lực cho đầu tư phát triển của xã còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào cân đối ngân sách từ cấp trên.

- Trình độ dân trí không đồng đều, ở một số phong tục tập quán còn lạc hậu làm hạn chế khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất.

## **VII. KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN**

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 3 xã Chiềng Hặc, Tú Nang, Mường Lựm đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện hiệu quả các chủ trương của huyện, của tỉnh. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư đồng bộ; diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng phát triển văn minh. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển còn tồn tại các vấn đề sau:

- Chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai bắt đầu từ ngày 1/7/2025. Vấn đề xảy ra là việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền vẫn còn vướng mắc. Một số văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính chưa

được điều chỉnh kịp thời, gây khó khăn cho cơ sở trong quá trình triển khai.

- Việc quản lý quy hoạch gặp khó khăn do xã vẫn sử dụng ba đồ án quy hoạch riêng của ba xã cũ, dẫn đến vướng mắc trong quản lý nhà nước về quy hoạch và trật tự xây dựng. Do đó, vấn đề cần đặt ra là việc lập mới quy hoạch chung của xã Chiềng Hặc sau sáp nhập là rất cần thiết.

- Xã Chiềng Hặc gặp khó khăn trong quản lý trật tự xây dựng do địa bàn rộng nhưng thiếu nhân lực. Một số người dân thiếu ý thức, cố tình xây dựng trái phép, lấn đất sang hành lang giao thông...

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế chậm. Nền kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp, kinh tế công nghiệp và xây dựng phát triển chủ yếu từ nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ chương trình dự án của Trung ương.

### PHẦN III

## PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẠI QUY HOẠCH TỈNH, QUY HOẠCH VÙNG VÀ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

### I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC THEO QUY HOẠCH TỈNH

Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023.

Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/2/2026.

Theo đó các định hướng phát triển chính trên địa bàn xã Chiềng Hặc cụ thể như sau:

1. Đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, phát triển nông thôn mới, nâng cao trình độ dân trí, bố trí địa bàn sắp xếp lại dân cư những nơi cần thiết. Từng bước giảm bớt sự chênh lệch về mức sống giữa các vùng dân cư. củng cố phát triển các vùng kinh tế. Tập trung đầu tư có trọng điểm vùng kinh tế động lực Quốc lộ 6.

2. Phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn, từng bước nâng cao dần mật độ dân trí. Đào tạo đội ngũ cán bộ từ xã đến bản.

3. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, nâng cao dân trí và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, giải quyết giảm nghèo nhanh và bền vững, khai thác tiềm năng sẵn có để đẩy mạnh phát triển du lịch, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Mường Lựm với quy mô diện tích 98ha, di tích địa điểm thành lập chi bộ huyện Yên Châu, xã Mường Lựm; Cầu Tà Vài, xã Chiềng Hặc...

4. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về rừng, đất đai và lao động; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

5. Phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp, sản xuất, chế biến. Bao gồm: Vùng trồng Sắn nguyên liệu (*khu vực xã Chiềng Hặc cũ*), Vùng trồng mía nguyên liệu (*khu vực xã Chiềng Hặc cũ*), Vùng trồng rau nguyên liệu (*trên địa bàn toàn xã*), Vùng trồng dược liệu nguyên liệu (*khu vực xã Mường Lựm và Tú Nang cũ*), Vùng nhãn nguyên liệu (*khu vực xã Chiềng Hặc và xã Tú Nang cũ*) và Vùng xoài nguyên liệu (*khu vực xã Chiềng Hặc và xã Tú Nang cũ*).

6. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung phục vụ cơ sở chế biến trên địa bàn: Vùng chăn nuôi gia súc (*trâu, bò, lợn*) tại khu vực xã Chiềng Hặc cũ. Vùng chăn nuôi gia cầm tập trung tại xã Tú Nang cũ.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC THEO QUY HOẠCH VÙNG**

Xã Chiềng Hặc nằm trong quy hoạch phát triển vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/8/2022. Theo đó các định hướng phát triển chính trên địa bàn xã Chiềng Hặc cụ thể như sau:

- Xây dựng các xã theo mô hình nông thôn mới, hình thành các vùng chuyên canh lớn. Xây dựng hình thái cụm – điểm dân cư tại trung tâm xã, tuyến dân cư dọc đường giao thông, sông, suối chính.

- Định hướng phát triển nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong vùng dọc Quốc lộ 6, cung cấp nguồn nhân lực, vùng sản phẩm và vùng nguyên liệu nông lâm thủy sản, góp phần tích cực phát triển sinh thái nông lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

- Triển khai các chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh chủ trương tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Cải tạo và xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao...

- Sử dụng nguồn cấp nước trên địa bàn xã theo phương án phi tập trung, sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước máy, nước ngầm... Về lâu dài, nâng cấp hệ thống cấp nước hiện hữu, xây dựng các trạm cấp nước mới để khai thác nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân.

- Về thông tin liên lạc:

+ Bưu chính: Mục tiêu chuyển từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, chú trọng việc thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng.

+ Viễn thông: Duy trì các điểm cung cấp hiện trạng, tiếp tục phát triển các điểm dịch vụ mới tại các khu vực đông dân cư, các khu vực công cộng.

- Nâng cấp các nghĩa trang hiện hữu, đề xuất đóng cửa hoặc dừng khai thác các điểm nghĩa trang, nghĩa địa không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường.

## PHẦN IV

### QUY HOẠCH CHUNG XÃ CHIỀNG HẠC, TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2045

#### I. TÍNH CHẤT, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH; QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; XÁC ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH

##### 1. Tính chất, động lực phát triển, vai trò, chức năng của khu vực lập quy hoạch

###### 1.1. Tính chất

Phát triển xã Chiềng Hạc thành xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

###### 1.2. Động lực phát triển của xã

**Xác định các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã**

- **Yếu tố nguồn lực sản xuất:** Dân số xã Chiềng Hạc là 18.721 người, trong đó có 10.487 người trong độ tuổi lao động, chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu dân số. Đây là một tiềm năng lớn để phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên chất lượng nguồn lao động còn thấp. Trong thời gian tới cùng với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì nhu cầu sử dụng lao động có trình độ là rất lớn, vì vậy trong tương lai để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã thì việc đào tạo, nâng cao chất lượng trình độ lao động cần được quan tâm và chú trọng đầu tư, đây là một vấn đề quan trọng để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- **Chính sách hỗ trợ của nhà nước:** Để thực hiện được mục tiêu phấn đấu thành xã nông thôn mới, xã tiếp tục vận động nhân dân phát huy nội lực, khai thác tiềm năng lợi thế ở địa phương để phát triển kinh tế. Song trong quá trình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới sẽ không thể hoàn thành nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước. Cùng với đó, trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, cần có thời gian và nguồn kinh phí lớn, trong khi nguồn lực đầu tư từ các nguồn ngân sách chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, khả năng huy động nguồn vốn xã hội hoá khó khăn.

###### 1.3. Vai trò, chức năng của khu vực lập quy hoạch

Theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được của Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023, xác định xã Chiềng Hạc nằm trong khu vực được định hướng sẽ phát triển dọc theo các trục giao thông chính Tây Bắc – Đông Nam là tuyến QL.6 và tuyến Cao tốc Hoà Bình – Sơn La, có vai trò quan trọng với các tuyến

kết nối 2 đô thị của tỉnh là khu vực thành phố Sơn La cũ và huyện Mộc Châu cũ, thúc đẩy nền kinh tế liên vùng phát triển.

Xã Chiềng Hặc nằm trong phạm vi Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/8/2022, nên việc lập các đồ án quy hoạch phải tuân thủ nội dung định hướng đồ án đã được duyệt làm cơ sở lập và đề xuất các dự án đầu tư theo trình tự quy định. Theo đó, vai trò của xã được xác định là vùng phát triển kinh tế (*thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp*) gắn với tiềm năng, lợi thế của địa phương dọc Quốc lộ 6.

## **2. Quan điểm và mục tiêu phát triển**

- Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển quy hoạch cấp độ cao hơn (*Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*) và các quy hoạch ngành khác có liên quan khu vực lập quy hoạch.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quy hoạch không gian hợp lý theo vùng theo từng khu vực, phù hợp với đặc điểm địa hình, dân cư và tài nguyên; Lồng ghép các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Quy hoạch xã Chiềng Hặc phải phù hợp với đặc điểm của xã, bản về điều kiện tự nhiên, đất đai, địa hình, thời tiết, khí hậu thủy văn; hiện trạng và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội; trình độ sản xuất, nguồn lực, phong tục tập quán của nhân dân và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; Xây dựng xã Chiềng Hặc trở thành xã nông thôn mới, phát triển toàn diện với kinh tế nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hạ tầng đồng bộ, xã hội tiến bộ và môi trường bền vững.

- Tập trung chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa, xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn với xây dựng nông thôn mới và khắc phục thiên tai; Nâng cao đời sống người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng phục vụ sản xuất và môi trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của xã và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Quy hoạch bố trí, sử dụng quỹ đất hợp lý và hiệu quả; Giữ vững quốc phòng.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã; làm căn cứ lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

## **3. Xác định những vấn đề chính cần giải quyết trong kỳ quy hoạch**

- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng theo hướng văn minh, bảo tồn được các bản sắc văn hóa.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội của xã, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, làm nền tảng cho việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

+ Cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng các công trình giao thông dân sinh và giao thông nội đồng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

+ Cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp kết hợp thoát nước mặt đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Cải tạo, nâng cấp các hạng mục đã xuống cấp trong các công trình trường học, khu thể thao trung tâm, nhà văn hóa bản.

+ Tiếp thu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Mở rộng các ngành nghề, tạo thêm việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo.

+ Có giải pháp về các vấn đề môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và tiếp cận pháp luật.

## **II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Đánh giá tiềm năng phát triển**

- Xã Chiềng Hặc nằm dọc theo quốc lộ 6. Xã có vị trí địa lý thuận lợi, có lợi thế trong liên kết vùng. Trung tâm xã Chiềng Hặc nằm trên tuyến đường từ Quốc lộ 6 tuyến đường huyết mạch kết nối xã với trung tâm thị trấn Mộc Châu cũ và trung tâm tỉnh Sơn La.

- Đất đai màu mỡ, phù hợp với các loại cây trồng lâu năm như: Cây ăn quả (*Mận hậu, nhãn, xoài...*); cây lương thực ngắn ngày (*ngô, sắn, mía...*) đem lại giá trị kinh tế cao.

- Hiện nay trên địa bàn xã có 02 mỏ Than hiện đang thực hiện quá trình thăm dò khoáng sản chưa thực hiện khai thác (*Mỏ than Mường Lựm và Mỏ than Khe Lay, xã Mường Lựm*). Mỏ than đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 13/02/2015; được cập nhật vào Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023. Việc khai thác than đảm bảo nhu cầu nhiên liệu cho các nhà máy trên địa bàn tỉnh (*xi măng, gạch tuynel*) và tạo việc làm cho nhân công tại địa phương.

- Chiềng Hặc là xã thuần nông đang được các cấp lãnh đạo, chính quyền quan tâm, đầu tư chuyển dịch cơ cấu theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch - thương mại - dịch vụ trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh địa phương, quảng bá và thu hút ngày càng nhiều du khách

đến với Chiềng Hặc, từ đó tạo nguồn thu nhập ổn định hơn cho người dân từ làm du lịch, dịch vụ với các mục tiêu cụ thể:

- + Phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng;
- + Phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ;
- + Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.
- Các cơ sở hạ tầng thiết yếu như hệ thống điện lưới, đường giao thông, bưu chính viễn thông đã và đang từng bước được đầu xây dựng đồng bộ trên địa bàn xã.

- Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của toàn Đảng, toàn dân ngày càng được củng cố; trình độ dân trí, trình độ lao động ngày một được nâng lên tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện thắng lợi các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

- Trên địa bàn xã có 04 dân tộc anh em gồm: Thái, Kinh, Mông, Sinh Mun cùng sinh sống, mang nhiều bản sắc riêng biệt có những nét văn hoá đặc trưng của dân tộc và ẩm thực vùng Tây Bắc.

## **2. Dự báo phát triển**

### **2.1. Dự báo quy mô dân số**

- Quy mô dân số hiện trạng: Năm 2025, toàn xã Chiềng Hặc có 18.721 nhân khẩu.

- Dự báo quy mô dân số cho quy hoạch được tính theo công thức sau

$$P_t = P_0 (1 + \alpha)^t$$

Trong đó:

- +  $P_t$ : Dân số tại thời điểm dự báo t;
- +  $P_0$ : Dân số được chọn làm gốc cho dự báo;
- +  $\alpha$ : Tỷ lệ tăng dân số hàng năm;
- + t: Khoảng thời gian từ thời điểm gốc đến thời điểm dự báo t.

Theo Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021 - 2030 là khoảng 1,425%, giai đoạn 2031-2045 là 1,29%.

- Theo đó dự báo quy mô dân số đến năm 2045 như sau:

- + Đến năm 2030 khoảng 20.093 người.
- + Đến năm 2045 khoảng 24.353 người.

### **2.2. Dự báo lao động**

Bố trí sử dụng hợp lý nguồn lao động có ý nghĩa rất quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao mức thu nhập của người dân. Trên cơ sở nâng cao chất lượng dân số, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao

chất lượng nguồn lao động cả về sức khỏe và trí tuệ, giải quyết việc làm, thúc đẩy phân công lao động xã hội. Dịch chuyển một phần lao động của xã đến làm việc tại các khu công nghiệp, các trung tâm kinh tế ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, trong thời gian tới cần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề có chuyên môn, tay nghề cao đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng hoá.

### 2.3. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình

#### a. Công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, bản

Thực hiện tuân thủ theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực miền núi, cụ thể như sau:

**Bảng 3. Chỉ tiêu sử dụng đất các công trình công cộng**

Stt	Loại công trình	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng	Ghi chú
1	Trụ sở HĐND -UBND	- Diện tích đất xây dựng: $\geq 1.000 \text{ m}^2$	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích sử dụng: $\leq 400 \text{ m}^2$	
2	Trường, điểm trường mầm non	- Công trình tối thiểu: 50 chỗ/1.000 dân	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích đất tối thiểu: $12 \text{ m}^2/\text{chỗ}$	
5	Trường, điểm trường tiểu học	- Công trình tối thiểu: 65 chỗ/1.000 dân	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích đất tối thiểu: $10 \text{ m}^2/\text{chỗ}$	
6	Trường trung học	- Công trình tối thiểu: 55 chỗ/1.000 dân	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích đất tối thiểu: $10 \text{ m}^2/\text{chỗ}$	
7	Trạm y tế	- Diện tích đất tối thiểu không có vườn thuốc: $500\text{m}^2/\text{trạm}$	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích đất tối thiểu có vườn thuốc: $1.000\text{m}^2/\text{trạm}$	
8	Trung tâm văn hoá - thể thao		Theo HD số 2782/BVHTTD L-VHCSGĐTV
	Trung tâm văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2/\text{công trình}$	
	Nhà văn hóa bản	$\geq 200 \text{ m}^2/\text{công trình}$	
	Sân thể thao bản	$\geq 300 \text{ m}^2/\text{công trình}$	
	Sân vận động xã	$\geq 6.000 \text{ m}^2/\text{công trình}$	
9	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông	- 1 điểm/xã	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Diện tích đất tối thiểu $150 \text{ m}^2$	
10	Chợ	- Diện tích đất tối thiểu $1.500 \text{ m}^2$	Theo QCVN 01:2021/BXD

**Bảng 4. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật**

Stt	Loại công trình	Tiêu chuẩn xây dựng	Ghi chú
1	Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,5m	Theo TCVN 10380:2014
		- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 6,0m	
		- Chiều rộng lề đường tối thiểu: 1,25m	
2	Đường từ xã đến bản	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,0m	Theo TCVN 10380:2014
		- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 4,0m	
		- Chiều rộng lề đường tối thiểu: 0,5m	
3	Đường nội bản	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 2,0m	Theo TCVN 10380:2014
		- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 3,0m	
4	Đường nội đồng	- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 1,5m	Theo TCVN 10380:2014
		- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 2,0m	
5	Cấp nước sinh hoạt	- Cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày,đêm	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ Qsinh hoạt	
6	Thoát nước	- Chỉ tiêu thu gom: $\geq 80\%$ Qcấp	
7	Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: $\geq 150$ W/người	
		- Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt	
8	Đất nghĩa trang	- Hung táng và chôn cất 1 lần: $\leq 5\text{m}^2$ /người	Theo QCVN 01:2021/BXD
		- Cát táng: $\leq 3\text{m}^2$ /người	
		- Tối thiểu 0,04 ha/ng.trang/1.000 người	

*b. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình trong toàn xã*

Căn cứ theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Theo đó:

\* *Hộ sản xuất nông nghiệp*

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường. Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 200 m.

- Khu sản xuất phải bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước...

*\* Hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, hộ chăn nuôi*

- Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình.

- Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mỗi giao thông.

*\* Điểm dân cư nông thôn*

Được tính toán phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của xã. Nhà ở trong các khu dân cư nông thôn phải đảm bảo tiêu chuẩn và tiện nghi, phù hợp với phong tục, tập quán và bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Khu đất xây dựng phải có điều kiện tự nhiên đảm bảo (*địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu...*), không được xây dựng trong khu vực địa chất tiềm ẩn nguy hiểm, vùng thường xuyên ngập lụt, lũ ống, sạt lở đất.

**Bảng 5. Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn**

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m <sup>2</sup> /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
Cây xanh công cộng	2
<i>Chú thích: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.</i>	

### **3. Định hướng phát triển kinh tế chủ đạo**

*\* Trong sản xuất nông nghiệp:*

- **Trồng trọt:** Phát triển cây lương thực đáp ứng mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn xã. Tập trung thâm canh, tăng vụ nâng cao năng suất, chất lượng lúa, ngô bằng việc sử dụng giống mới năng suất cao, giống có khả năng kháng bệnh. Tăng diện tích các loại rau vụ đông, mở rộng diện tích trồng cây rau đậu các loại để đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đảm bảo cung cấp rau xanh tại chỗ và làm sản phẩm hàng hoá. Phát triển trồng cây ăn quả trên diện tích đất nương rẫy kém hiệu quả. Đồng thời tập trung vào việc khoanh nuôi, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, sản xuất hiện còn phục vụ cho việc bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- **Chăn nuôi:**

+ Phát triển đàn gia súc cả về số lượng và chất lượng, phát triển đàn gia cầm nhất là đàn gà với hình thức sử dụng đệm lót sinh học; chủ động phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

+ Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, tập trung phát triển gia súc ăn cỏ theo quy mô trang trại; đầu tư trồng cỏ phục vụ chăn nuôi. Tuyên truyền, vận động nhân dân không thả rông gia súc, làm chuồng trại gắn với phòng chống đói, rét, dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Tổ chức tiêm phòng các loại vắc xin, phun khử trùng tiêu độc. Làm tốt công tác thú y, đẩy mạnh các biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

+ Hiện nay trên địa bàn xã, việc xây dựng các lò mổ tập trung là không khả thi. Do đó, trong thời gian tới vẫn duy trì hoạt động của các lò mổ nhỏ lẻ (*chủ yếu là quy mô hộ gia đình*). Tuy nhiên, cần thiết đưa ra các biện pháp kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm từ các lò giết mổ nhỏ lẻ này.

- **Thủy sản:** Phát triển nuôi trồng thủy sản trong ao, hồ nhỏ theo hướng sản xuất hàng hóa; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất hệ thống ao, hồ nhỏ nhằm khai thác hiệu quả diện tích mặt nước ao, hồ nhỏ nuôi trồng thủy sản.

\* Phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, năng lượng

- Phát triển một số nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô hộ gia đình hướng vào sản xuất hàng tiêu dùng là chính như: Chế biến lương thực thực phẩm; cơ sở sơ chế, chế biến nông, thủy sản; sản xuất nông cụ cầm tay; cơ khí sửa chữa; rèn, mộc gia dụng... tạo việc làm cho người lao động và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp điều kiện địa phương như điện mặt trời mái nhà, thủy điện nhỏ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

\* Phát triển ngành thương mại, dịch vụ:

- Thành lập các HTX cung cấp vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật an toàn, điều tiết và cung cấp lương thực thực phẩm, đồ dùng thiết yếu cho nhân dân; thu mua nông sản đôn từ các hộ dân.

- Quản lý cửa hàng kinh doanh xăng dầu đảm bảo các quy tắc phòng cháy chữa cháy.

- Quản lý thị trường, theo dõi kiểm soát tình hình niêm yết giá, kiểm tra và xử lý các trường hợp buôn bán hàng giả, kém chất lượng, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, kiểm soát, các cơ sở kinh doanh dược phẩm, hộ kinh doanh dược phẩm trên địa bàn xã.

- Bên cạnh đó, phát triển các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo trao đổi, mua bán hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho người dân trên địa bàn xã.

### III. NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU NGHIÊN CỨU

#### 1. Yêu cầu về khảo sát, thu thập số liệu

##### 1.1. Yêu cầu mức độ điều tra, khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu

- Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch chung cấp xã, gồm:

- + Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng.
- + Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- + Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương.
- + Hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai.
- + Nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của địa phương.

- Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, bao gồm:

- + Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;
- + Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch chung cấp xã (*bản đồ quy hoạch tỉnh, bản đồ quy hoạch vùng, bản đồ nền địa hình...*).

- Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

+ Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa.

+ Điều tra, khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch: dự kiến 100 ha.

+ Các công trình hạ tầng cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã; các thông tin phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (*nếu có*);

+ Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

##### 1.2. Yêu cầu về đánh giá hiện trạng

- Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, tài nguyên rừng... Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái.

- Dân số: Số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển. Đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư.

- Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.

- Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất (*lưu ý các vấn đề về tồn tại trong việc sử dụng đất đai*).

- Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh du lịch sinh thái trải nghiệm...Hiện trạng xây dựng và sử dụng các công trình.

### **1.3. Yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng**

- Nghiên cứu và thu thập dữ liệu: Thu thập thông tin về hiện trạng khu vực quy hoạch, bao gồm dữ liệu địa hình, địa chính, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân cư, kinh tế - xã hội, môi trường, v.v.

+ Phân loại và xử lý dữ liệu: Phân loại dữ liệu theo các tiêu chí phù hợp, xử lý dữ liệu để loại bỏ các lỗi, chuẩn hóa dữ liệu để đảm bảo tính nhất quán.

+ Số hóa dữ liệu: Chuyển đổi dữ liệu dạng bản vẽ giấy, hình ảnh, văn bản sang dạng số có thể sử dụng trong GIS.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian:

+ Tạo bản đồ nền: Sử dụng dữ liệu đã được xử lý để tạo bản đồ nền, bao gồm bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch,...

+ Xây dựng các lớp dữ liệu: Tạo các lớp dữ liệu chuyên đề (ví dụ: lớp giao thông, lớp dân cư, lớp hạ tầng kỹ thuật, lớp quy hoạch,...).

+ Liên kết dữ liệu thuộc tính và không gian: Liên kết dữ liệu thuộc tính (thông tin chi tiết về đối tượng) với dữ liệu không gian (vị trí của đối tượng).

- Phân tích và đánh giá dữ liệu:

+ Phân tích không gian: Sử dụng các công cụ phân tích không gian của GIS để tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố trong khu vực quy hoạch, xác định các vấn đề và tiềm năng.

+ Đánh giá hiện trạng: Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng, môi trường, kinh tế - xã hội để làm cơ sở cho việc quy hoạch.

- Thiết kế và mô hình hóa quy hoạch:

+ Xây dựng các phương án quy hoạch: Dựa trên kết quả phân tích và đánh giá, xây dựng các phương án quy hoạch khác nhau.

+ Mô phỏng và đánh giá các phương án: Sử dụng GIS để mô phỏng các phương án quy hoạch, đánh giá tác động của chúng đến các yếu tố khác nhau.

+ Lựa chọn phương án tối ưu: Lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu dựa trên các tiêu chí đã được xác định.

## **2. Yêu cầu về lập quy hoạch**

### **2.1. Yêu cầu nghiên cứu định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã**

#### **a. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

- Nội dung khảo sát xây dựng

Tiến hành khảo sát xây dựng trên phạm vi 100 ha phục vụ công tác lập Quy hoạch chung xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La đến năm 2045. Xác định điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, trên cơ sở đó chọn được phương án quy hoạch

phù hợp với hiện trạng khu vực. Dự báo các vấn đề có thể phát sinh khi quy hoạch, xây dựng từ đó tìm ra biện pháp xử lý đúng đắn, nhằm phục vụ công tác thiết kế và bố trí quy hoạch các hạng mục công trình đề đưa ra giải pháp xây dựng trong quá trình thi công hay xử lý nền móng công trình.

- Định hướng quy hoạch trung tâm hành chính mới

Trung tâm hành chính mới của xã Chiềng Hặc được xác định tại bản Huỗi Sét (*xã Chiềng Hặc cũ*). Quy hoạch trung tâm hành chính xã mới cần đáp ứng các yêu cầu chung về bố trí tập trung các cơ quan hành chính xã, đảm bảo diện tích tối thiểu, quy hoạch trường học, trạm y tế, công trình văn hóa, thể thao và chợ, dịch vụ. Mục tiêu là tạo ra một trung tâm xã thuận tiện cho việc giao dịch, sử dụng đất hiệu quả và phục vụ nhu cầu của người dân, xác định các tiềm năng cảnh quan thiên nhiên để phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng.

*b. Định hướng phát triển khu dân cư mới và cải tạo khu dân cư hiện trạng*

- Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư hiện trạng.

Trong kỳ quy hoạch cần chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu dân cư cũ (*hệ thống đường ngõ xóm, hệ thống thoát nước, san nền và xử lý rác thải*). Định hướng phát triển dân cư mới trên cơ sở tôn trọng thực tế, tránh xáo trộn đến đời sống nhân dân. Về không gian những phần diện tích đất canh tác xen lẫn khu dân cư như: ao nhỏ không canh tác, đất trồng chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa kém năng suất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất sẽ được quy hoạch vào đất ở.

*c. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ*

Xác định, định hướng hệ thống công trình công cộng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiết kiệm khai thác hiệu quả đất đai, đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn xã

*d. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ*

- Xác định các yêu cầu đối với phân khu chức năng trong quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

*e. Định hướng quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn*

- Quy hoạch những loại cây phù hợp với khu vực trung tâm xã, điểm dân cư, dọc đường giao thông và hoa trang trí...

*f. Định hướng tổ chức các khu chức năng dịch vụ hỗn hợp phát triển kinh tế nông thôn*

Xác định rõ quy mô, ranh giới, tính chất của từng chức năng và định hướng phát triển các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp... theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/06/2022 của Bộ Xây

dựng V/v hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021- 2025.

## **2.2 Yêu cầu nghiên cứu quy hoạch**

### **a. Quy hoạch phát triển văn hóa, xã hội**

- **Xây dựng phương án về:** Tiêu chí xây dựng và bố trí đầu tư xây dựng đối với các nội dung: Quy hoạch công trình sự nghiệp; y tế, sức khỏe; giáo dục; các công trình văn hóa, thể thao; chợ; trụ sở công an xã; quốc phòng;

- **Quy chuẩn kỹ thuật:** Xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng.

### **\* Quy hoạch:**

- Nhìn chung hạ tầng kỹ thuật của xã như: Trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã, trạm y tế xã, trường học... cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong xã. Trong thời kỳ quy hoạch không cần quy hoạch vị trí mới đối với các công trình này. Tuy nhiên, cần nâng cấp, sửa chữa các hạng mục đã xuống cấp và xây dựng mới các hạng mục còn thiếu như (*phòng chức năng, phòng học... đối với trường học; ...*).

- Quy hoạch vị trí Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã, thao trường huấn luyện.

- Quy hoạch vị trí bưu điện trung tâm xã, chợ trung tâm và sân vận động trung tâm xã.

- Quy hoạch nhà công vụ UBND xã.

### **b. Quy hoạch sử dụng đất**

- Xác định quan điểm khai thác sử dụng đất.

- Xác định diện tích đất cho các nhu cầu phát triển.

- Quy hoạch diện tích đất rừng đảm bảo phù hợp với định hướng đất lâm nghiệp theo kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La và phù hợp với thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng các xã theo Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Sơn La.

- Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045.

- Phân tích tính hợp lý của việc sử dụng đất.

### **c. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **\* Giao thông**

- Giữ nguyên cấu trúc mạng lưới đường hiện trạng của xã bao gồm các đường giao thông liên xã, đường giao thông liên bản, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng. Mở rộng mặt đường trục chính liên xã, cứng hóa toàn bộ các đường giao thông nông thôn và trục chính nội đồng trong khu vực chưa được cứng hóa nhằm tăng chất lượng giao thông.

- Quy định chỉ giới xây dựng rõ ràng để người dân nắm được, hạn chế việc xây dựng lấn vào chỉ giới hành chính, tránh xảy ra vi phạm.

- Xây dựng các công trình phòng tránh sạt lở (*kè, ta luy, ...*).

- Xây dựng các công trình giao thông kết hợp với thiết kế hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, phù hợp với địa hình miền núi.

#### **\* San nền và thoát nước**

Tận dụng địa hình tự nhiên, không đào đắp địa hình tự nhiên quá lớn, tận dụng các cơ sở hiện trạng. Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan toàn khu.

#### **\* Cấp nước và thủy lợi**

Tính toán nhu cầu dùng nước sạch trên toàn xã đến năm 2045. Xác định các hạng mục đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các công trình nước sinh hoạt đã hư hỏng, xuống cấp nhằm cấp nước ổn định cho sinh hoạt. Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước từ công trình đầu mối về từng cụm bản.

Thường xuyên nạo vét kênh mương hằng năm và tu sửa các tuyến mương bị xuống cấp nhằm đảm bảo nước tưới tiêu cho diện tích lúa ruộng và rau màu.

#### **\* Cấp điện**

- Tính toán nhu cầu sử dụng điện trên toàn xã. Xây dựng, chỉnh trang sửa chữa một số trạm biến áp hiện trạng đã xuống cấp. Tiến hành duy tu bảo dưỡng hệ thống đường điện định kỳ, đảm bảo sử dụng điện an toàn và đầu tư bổ sung các tuyến đường dây cho các khu dân cư mở rộng, các bản tái định cư đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân trên địa bàn xã.

- Đánh giá, dự báo nhu cầu phụ tải điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt; quy hoạch hệ thống trạm biến áp, lưới điện trung áp đảm bảo cung cấp điện ổn định.

#### **\* Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

- Đánh giá được lượng nước thải, chất thải rắn trên địa bàn xã, từ đó đề xuất phương án cụ thể. Nghiên cứu giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp (*chất thải xây dựng*), chất thải nguy hại (*bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*). Chất thải sinh hoạt định hướng thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhằm thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải. Quy hoạch điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định tại Khoản 2, Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Quy hoạch nghĩa địa tại các bản, quy hoạch về mặt cảnh quan và đánh giá tác động môi trường. Quy hoạch đường vào các khu nghĩa địa và xác định khoanh vùng không mở rộng ở các khu vực có nguy cơ bị sạt lở.

#### **\* Quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất**

Xác định các công trình thủy lợi tưới tiêu cần nâng cấp, sửa chữa, làm mới trong kì quy hoạch. Hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất.

### **\* Các giải pháp bảo vệ môi trường**

Đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Các nội dung phân tích cụ thể:

- + Chỉ tiêu môi trường cho đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Chiềng Hặc.
- + Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường của phương án quy hoạch.
- + Các vấn đề môi trường cơ bản đã được giải quyết trong đồ án quy hoạch.
- + Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường.
- Từ đó, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

### **2.3. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

#### **a. Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư**

Xác định các dự án ưu tiên đầu tư với mục tiêu hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội của xã, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, làm nền tảng cho việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Cụ thể:

#### **- Giai đoạn quy hoạch 2025-2030:**

+ Các dự án cải tạo, xây mới khu vực trung tâm hành chính xã: Trụ sở làm việc của Đảng ủy – HĐND – UBND xã, Trụ sở công an xã, Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã, nhà văn hóa xã, sân vận động trung tâm xã, Trạm y tế...

+ Các dự án đường giao thông liên xã, liên bản.

+ Các dự án cơ sở giáo dục đào tạo.

+ Các dự án nằm trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2025-2030 được UBND xã thông qua.

#### **- Giai đoạn quy hoạch 2030-2045:**

+ Các dự án đường liên bản, đường ngõ xóm, đường nội đồng.

+ Các dự án quy hoạch thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

#### **b. Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện**

\* Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phân kỳ theo giai đoạn 2025-2030 và 2031-2045.

\* Xác định nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước, nguồn huy động từ các doanh nghiệp, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn xã hội hóa...

- Ngân sách nhà nước

+ Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện

Hỗ trợ đầu tư thực hiện các dự án: đường giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, nhà văn hóa, trường học, y tế,...

+ Ngân sách nhà nước

Hỗ trợ đầu tư thực hiện các dự án: Đường giao thông, nhà văn hoá, hỗ trợ về đất ở, nhà ở...

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp

+ Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các lĩnh vực, công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Nhà nước tạo điều kiện cho doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển sản xuất, hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Nguồn nâng cấp hệ thống điện sản xuất, sinh hoạt do ngành điện đầu tư theo chương trình nâng cấp, cải tạo hệ thống điện nông thôn. Huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư một số dự án khác trồng trọt, chăn nuôi...

+ Nguồn đầu tư của các doanh nghiệp vào đầu tư kinh doanh hạ tầng, tiểu thủ công nghiệp, các điểm kinh doanh dịch vụ...

- Nguồn vốn từ xã hội hóa và nguồn vốn khác

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân địa phương đầu tư, duy tu, cải tạo các công trình phúc lợi của địa phương phấn đấu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, bao gồm: chương trình nước sạch, thủy lợi, nạo vét kênh mương,...

- Nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân

Tổ chức phát động, tuyên truyền, phổ biến, vận động các tầng lớp nhân dân hiểu và cả tầng lớp chính trị tham gia về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Các khoản đóng góp, huy động sức dân bằng nhiều hình thức (*tiền mặt, vật tư và giá trị ngày công tham gia xây dựng các công trình thuộc đề án trên địa bàn*) theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân.

## **PHẦN V**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận**

Nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Chiềng Hặc phù hợp với các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Sơn La và các quy hoạch vùng. Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Chiềng Hặc phù hợp với các yêu cầu về quy trình, nội dung của Luật Xây dựng; Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Đồ án Quy hoạch chung xã nhằm cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã trong việc phát triển, phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân trong vùng và đáp ứng được các tiêu chí về nông thôn mới, làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

#### **2. Kiến nghị**

Để đồ án sớm được triển khai và thực hiện đảm bảo đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra. Kính đề nghị UBND tỉnh Sơn La xem xét, thẩm định và phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện đồ án Quy hoạch chung xã Chiềng Hặc và các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

#### **3. Phụ lục**

- Các bảng biểu tính toán chi tiết.

## PHẦN VI

### QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

#### **1. Căn cứ thực hiện**

Tích hợp theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

#### **2. Nội dung quy chế**

Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Quy định phạm vi tổng thể, ranh giới lập quy chế;
- Định hướng chung về kiến trúc, cảnh quan đối với toàn điểm dân cư nông thôn;
- Xác định yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc tại điểm dân cư nông thôn theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP;
- Quy định cụ thể tại khu vực trung tâm, dọc tuyến đường liên xã, trục đường chính, đường liên thôn, cảnh quan khu vực bảo tồn; các khu vực tập trung làng xóm, các khu vực phát triển dọc tuyến đường, tuyến sông, mặt nước;
- Quy định đối với công trình công cộng: kiến trúc công sở, cơ sở y tế, giáo dục, công trình văn hóa, thể thao;
- Quy định đối với công trình nhà ở: xây dựng theo các chỉ tiêu được quy định trong quy hoạch chung được phê duyệt;

**PHẦN VII**  
**THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch chung thực hiện theo: Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

**I. HỒ SƠ SẢN PHẨM NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

**1. Thành phần và nội dung hồ sơ**

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ với QH tổng thể hệ thống nông thôn quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh	QH - 01	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ ranh giới phạm vi lập quy hoạch chung	QH - 02	Tỷ lệ thích hợp
3	Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch.		
4	Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch		
5	Dự thảo: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã.		
6	Hồ sơ điện tử nhiệm vụ quy hoạch (ghi toàn bộ nội dung hồ sơ tài liệu kèm theo)		
7	Các văn bản, tài liệu liên quan		

**2. Số lượng hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch**

- Thuyết minh: 07 bộ (*khổ A4, A3, in màu, đóng quyển*).
- Bản vẽ: 07 bộ in màu, tỷ lệ thích hợp.
- Hồ sơ điện tử: đầy đủ file thuyết minh, bản vẽ, phụ lục, trình bày theo chuẩn định dạng hồ sơ quy hoạch điện tử.

**II. HỒ SƠ SẢN PHẨM PHẦN ĐỀ ÁN QUY HOẠCH**

**1. Thành phần và nội dung hồ sơ**

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
<b>I</b>	<b>Thành phần bản vẽ</b>		
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH - 01	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên, phân bố dân cư, và sử dụng đất; hệ thống HTXH	QH-02	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	QH-03	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Ký hiệu bản vẽ</b>	<b>Tỷ lệ bản vẽ</b>
4	Bản đồ định hướng phát triển không gian	QH-04	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
5	Bản đồ định hướng quy hoạch cao độ nền	QH-05	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
6	Bản đồ định hướng quy hoạch giao thông	QH-06	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
7	Bản đồ định hướng quy hoạch cấp điện và cung cấp năng lượng	QH-07	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
8	Bản đồ định hướng quy hoạch cấp nước	QH-08	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
9	Bản đồ định hướng quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải, VSMT	QH-09	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
10	Bản đồ định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	QH-10	1/10.000; và 1/5.000 (đối với khu vực xây dựng)
<b>II</b>	Thuyết minh quy hoạch chung xã kèm theo các phụ lục tính toán ( <i>các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, các số liệu tính toán</i> ) và các văn bản pháp lý liên quan		
<b>III</b>	Tờ trình phê duyệt đề án quy hoạch chung		
<b>IV</b>	Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch chung		
<b>V</b>	Hồ sơ điện tử đề án quy hoạch chung (ghi toàn bộ nội dung hồ sơ tài liệu kèm theo)		

## **2. Số lượng hồ sơ quy hoạch**

- Hồ sơ Đề án quy hoạch chung (*thuyết minh, các bản vẽ, phụ lục và các văn bản pháp lý liên quan*): 07 bộ.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng xã.

- Dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo đề án quy hoạch chung.

- Dự thảo Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ.

## **3. Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch chung**

- Lập nhiệm vụ quy hoạch: 01 tháng (*không bao gồm thời gian xin ý kiến, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã*).

- Lập đề án quy hoạch: Thời gian lập đề án quy hoạch chung xã theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

#### **4. Nội dung, hình thức, đối tượng và kế hoạch lấy ý kiến quy hoạch chung xã**

##### **\* Nội dung lấy ý kiến**

Nội dung lấy ý kiến về nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xã bao gồm: Những định hướng cơ bản về phát triển dân cư; các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, hạ tầng xã hội, sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

##### **\* Hình thức lấy ý kiến**

- Đối với cộng đồng dân cư: Hình thức lấy ý kiến được thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau: gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại UBND xã để tiếp nhận ý kiến của người dân,...

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có liên quan: Hình thức lấy ý kiến là gửi hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản.

##### **\* Thời gian và đối tượng lấy ý kiến**

- Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch chung xã:

+ Đối tượng lấy ý kiến gồm các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Thời hạn xin ý kiến là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Lấy ý kiến về hồ sơ quy hoạch chung xã:

+ Đối tượng lấy ý kiến bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan.

+ Thời gian lấy ý kiến: 15 ngày đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan. Ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày đối với cộng đồng dân cư.

## **B. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Quy mô dân số**

Dân số của xã năm 2024 là 18.721 người. Dự báo đến năm 2045 dân số khoảng 24.353 người.

### **2. Căn cứ lập dự toán**

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.
- Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.
- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 11/2021/TT-BTC ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.
- Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về kế hoạch lập quy hoạch đô thị, nông thôn giai đoạn 2025–2030.
- Khối lượng, yêu cầu nghiên cứu, thành phần hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xã Chiềng Hặc đến năm 2045.
- Định mức dự toán chi phí do Bộ Xây dựng ban hành và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chi phí quy hoạch.

### **3. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch**

Chi phí lập quy hoạch là **737.500.000** đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*).

**Bảng 6. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch**

Đơn vị: Đồng

TT	HẠNG MỤC	CT	KL	MỨC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT (8%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>Chi phí khảo sát, đo đạc bản đồ, mua bản đồ, khai thác dữ liệu địa lý quốc gia</b>	<b>KS</b>			<i>Tạm tính</i>			<b>100.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí lập quy hoạch</b>	<b>Q</b>			$Q = Q1 + Q2$	<b>439.472.000</b>	<b>35.157.760</b>	<b>474.629.760</b>
1	Chi phí lập Quy hoạch chung, lập đồ án theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Q1	24.353 người	393.712.000	$Q1 = (339 + (((382 - 339) / (30 - 20)) * (24,4 - 20))) * 1000000 * 1,1$	393.712.000	31.496.960	425.208.960
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	Q2	24.353 người	45.760.000	$Q2 = (44 + (((48 - 44) / (30 - 20)) * (24,4 - 20))) * 1000000$	45.760.000	3.660.800	49.420.800
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>K</b>			$K = K1 + K2 + \dots + K6$	<b>153.974.260</b>	<b>8.972.597</b>	<b>162.946.857</b>
1	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	K1	393.712.000	10,62%	$K6 = Q1 * 10,62\%$ (nội suy)	41.816.792		41.816.792
2	Chi phí quản lý nghiệp vụ công tác lập quy hoạch	K2	393.712.000	9,44%	$K7 = Q1 * 9,44\%$ (nội suy)	37.157.468	2.972.597	40.130.065
3	Chi phí công bố quy hoạch	K3			<i>Tạm tính</i>	5.000.000	400.000	5.400.000
4	Chi phí xin ý kiến các tổ chức, cá nhân và đại diện cộng đồng dân cư	K4			<i>Tạm tính</i>	5.000.000	400.000	5.400.000
5	Chi phí lập hồ sơ cắm mốc quy hoạch	K5	1,0	10.000.000	<i>Tạm tính</i>	10.000.000	800.000	10.800.000
6	Chi phí dựng biển pano quy hoạch	K6	1 biển	55.000.000	<i>Tạm tính</i>	55.000.000	4.400.000	59.400.000
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>G</b>			$G = KS + Q + K$	<b>593.446.260</b>	<b>44.130.357</b>	<b>737.576.617</b>
<b>V</b>	<b>Làm tròn</b>							<b>737.500.000</b>